

Bản án số: 46/2019/HS-ST

Ngày: 15 - 8 - 2019

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐIỆN BIÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Sùng A Xà.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Giàng Thị Yên.

2. Bà Hà Thị Vũ.

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Tuấn Ngọc - Thư ký Toà án nhân dân tỉnh Điện Biên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Điện Biên tham gia phiên tòa: Ông Vi Ngọc Sơn và bà Lò Thị Hoài Thu - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 14, 15 tháng 8 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Điện Biên xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 37/2019/HSST ngày 11 tháng 6 năm 2019. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 45/2019/QĐXXST-HS ngày 01 tháng 7 năm 2019, Quyết định hoãn phiên tòa số 13/2019/HSST- QĐ ngày 16/7/2019 và Thông báo mở lại phiên tòa số 71/TBMLPT- HS ngày 30/7/2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Điện Biên đối với các bị cáo:

1. Phan Đắc V (Tên gọi khác: không) sinh ngày 01/01/1970 tại tỉnh T. Nơi cư trú: Thôn D, xã T1, huyện H, tỉnh T. Nghề nghiệp: Tự do; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; giới tính: Nam; trình độ văn hóa: 7/10. Con ông Phan Đắc M (đã chết) và bà Nguyễn Thị N (đã chết); có vợ cả là Nguyễn Thị D1 (1974) đã ly hôn năm 1999, vợ hai là Nguyễn Thị D2 (1981) và 03 con, con lớn nhất sinh năm 1997, con nhỏ nhất sinh năm 2014. Tiền án, tiền sự: Không. Nhân thân: Chưa bị kết án và chưa bị xử phạt hành chính. Bị cáo đang bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 25/7/2018 cho đến nay tại xã T1, huyện H, tỉnh T. Có mặt.

2. Đặng Đình C (Tên gọi khác: Không) sinh ngày 12/01/1978 tại tỉnh H. Nơi cư trú: Số nhà Z, tổ dân phố K, phường N, thành phố Đ, tỉnh Điện Biên. Nghề nghiệp: Kinh doanh - Giám đốc Công ty TNHH thương mại và dịch vụ V; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; giới tính: Nam; trình độ văn hóa: 9/12. Con ông Đặng Anh T2 (1952) và bà Đình Thị L (1955); có vợ là Nguyễn Thị L1 (1978) và 02 con, con lớn sinh năm 2005, con nhỏ sinh năm 2013. Tiền án, tiền sự: Không. Nhân thân: Chưa bị kết án và chưa bị xử phạt hành chính. Bị cáo bị áp dụng biện pháp tạm giữ từ ngày 03/02/2018 đến ngày 12/02/2018 và được thay thế

bằng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú cho đến nay tại phường N, thành phố Đ, tỉnh Điện Biên. Có mặt.

3. Nguyễn Thị T (Tên gọi khác: Không) sinh ngày 01/7/1959 tại tỉnh H1. Nơi cư trú: Số U chợ H3, phường D2, quận L3, thành phố H2. Nghề nghiệp: Kế toán; quốc tịch: Việt Nam; tôn giáo: Không; giới tính: Nữ; dân tộc: Kinh; trình độ văn hóa: 10/10. Con ông Nguyễn Bá N (đã chết) và bà Trịnh Thị T3 (đã chết); có chồng là Trần Văn T4 (1955) đã ly hôn và 03 con, con lớn nhất sinh năm 1981, con nhỏ nhất sinh năm 1990. Tiền án, tiền sự: Không. Nhân thân: Chưa bị kết án và chưa bị xử phạt hành chính. Bị cáo bị áp dụng biện pháp tạm giam từ ngày 24/8/2018 đến 22/10/2018 được áp dụng biện pháp cho bảo lãnh từ ngày 22/10/2018 đến ngày 26/4/2019 bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú cho đến nay tại phường D2, quận L3, thành phố H2. Có mặt.

4. Nguyễn Thị M (Tên gọi khác: Không) sinh ngày 09/10/1987 tại tỉnh N1. Nơi cư trú: Đội R, xã P, huyện Đ2, tỉnh Điện Biên. Nghề nghiệp: Kế toán; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; trình độ văn hóa: 12/12. Con ông Nguyễn Quang P (1956) và bà Phạm Thị T5 (1955); có chồng là Nguyễn Văn Q (1982) và 01 con sinh năm 2012. Tiền án, tiền sự: Không. Nhân thân: Chưa bị kết án và chưa bị xử phạt hành chính. Bị cáo bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 23/8/2018 cho đến nay tại phường T4, thành phố Đ, tỉnh Điện Biên. Có mặt.

5. Nguyễn Thị Hải Y (Tên gọi khác: Không) sinh ngày 26/9/1993 tại tỉnh Điện Biên. Nơi cư trú: Số nhà W, tổ dân phố Z, phường H3, thành phố Đ, tỉnh Điện Biên. Nghề nghiệp: Tự do; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; trình độ văn hóa: 12/12. Con ông Nguyễn Văn P2 (1961) và bà Phạm Thị B (1969); có chồng là Trần Trọng H6 (1986) và 01 con sinh năm 2016. Tiền án, tiền sự: Không. Nhân thân: Chưa bị kết án và chưa bị xử phạt hành chính. Bị cáo bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 13/9/2018 cho đến nay tại phường H3, thành phố Đ, tỉnh Điện Biên. Có mặt.

6. Trần Văn C (Tên gọi khác: không) sinh ngày 14/8/1972 tại tỉnh H4. Nơi cư trú: Tổ K, thị trấn M, huyện M1, tỉnh Điện Biên. Nghề nghiệp: Kinh doanh - Giám đốc Công ty TNHH L4; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; trình độ văn hóa: 12/12. Con ông Trần Văn T5 (1931) và bà Biện Thị C (1937); có vợ là Dương Thị O (1984) và 03 con, con lớn nhất sinh năm 1997, con nhỏ nhất sinh năm 2003. Tiền án, tiền sự: Không. Nhân thân: Chưa bị kết án và chưa bị xử phạt hành chính. Bị cáo đang được áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 20/9/2018 cho đến nay tại thị trấn M, huyện M1, tỉnh Điện Biên. Có mặt.

7. Nguyễn Đức T (Tên gọi khác: Không) sinh 8/3/1976 tại H6. Nơi cư trú: Đội E, xã T6, huyện Đ, tỉnh Điện Biên. Nghề nghiệp: Lái xe tải; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; trình độ văn hóa: 6/12. Con ông Nguyễn Đức H7 (1931) và bà Nguyễn Thị H8 (1937); có vợ là Nguyễn Thị H9 (1981) và 02 người con, con lớn sinh năm 2001, con nhỏ sinh năm 2006. Tiền án, tiền sự: Không. Nhân thân: Chưa bị kết án và chưa bị xử phạt hành chính. Bị cáo

đang bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 20/9/2018 cho đến nay tại xã T6, huyện Đ, tỉnh Điện Biên đến nay. Có mặt.

8. Đào Trọng T1 (Tên gọi khác: Không) sinh ngày 24/01/1978 tại tỉnh N1. Nơi cư trú: Số nhà R, tổ dân phố S, phường T7, thành phố Đ, tỉnh Điện Biên. Nghề nghiệp: Kỹ sư, là đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam đã đình chỉ sinh hoạt; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; trình độ văn hóa: 12/12. Con ông Đào Văn R1 (1947) và bà Vũ Thị C1(1949); có vợ là Nguyễn Thị T8 (1982) và 02 con, con lớn sinh năm 2006, con nhỏ sinh năm 2009. Tiền án, tiền sự: Không. Nhân thân: Chưa bị kết án và chưa bị xử phạt hành chính. Bị cáo bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 05/10/2018 tại phường T7, thành phố Đ, tỉnh Điện Biên đến nay. Có mặt.

9. Phạm Hoàng A (Tên gọi khác: không) sinh ngày 31/8/1983 tại tỉnh Điện Biên. Nơi cư trú: số nhà I, tổ dân phố X, phường M3, thành phố Đ, tỉnh Điện Biên. Nghề nghiệp: Trợ lý giám đốc - Công ty Z1; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; trình độ văn hóa: 12/12. Con ông Phạm Hoàng H9 (đã chết) và bà Chu Thị Kim T1(1959); có vợ là Phạm Thu Q (1982) và 02 con, con lớn sinh năm 2008, con nhỏ sinh năm 2016. Tiền án, tiền sự: Không. Nhân thân: Chưa bị kết án và chưa bị xử phạt hành chính. Bị cáo đang bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 05/10/2018 đến nay tại phường M3, thành phố Đ, tỉnh Điện Biên. Có mặt.

- *Người bào chữa cho bị cáo Phan Đắc V:* Bà Hoàng Thị N3 và bà Đỗ Thị Hương G đều là Luật sư -Văn phòng Luật sư F thuộc Đoàn Luật sư thành phố Hà Nội. Có mặt.

- *Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Bà Nguyễn Thị Thủy H2, sinh ngày 19/5/1985; địa chỉ: Nhà công vụ Y, tổ dân phố P1, phường H3, thành phố Đ, tỉnh Điện Biên. Vắng mặt.

2. Bà Lường Thị P2, sinh năm 1990. Địa chỉ: Bản P3, phường N3, thành phố Đ, tỉnh Điện Biên. Có mặt.

3. Bà Khuất Thị G2, sinh năm 1992. Địa chỉ: Số nhà V4, tổ O, phường T3, thành phố Đ, tỉnh Điện Biên. Vắng mặt.

4. Bà Nguyễn Thị T2, sinh năm 1990. Địa chỉ: Tổ dân phố W, xã T3, thành phố Đ, tỉnh Điện Biên. Có mặt.

5. Bà Nguyễn Thị L1, sinh ngày 7/11/1978. Địa chỉ: Tổ dân phố Q, phường N2, thành phố Đ, tỉnh Điện Biên. Có mặt.

6. Ông Lò Văn T1, sinh ngày 21/5/1982. Địa chỉ: Đội M, xã T3, huyện Đ, tỉnh Điện Biên. Có mặt.

7. Ông Lò Văn H1, sinh năm 1985. Địa chỉ: Đội M, xã T4, huyện Đ, tỉnh Điện Biên. Có mặt.

8. Bà Nguyễn Thị L3, sinh năm 1966. Địa chỉ: Đội I, thôn K, xã J, huyện A, thành phố H2. Vắng mặt.

9. Công ty TNHH X1. Người đại diện theo pháp luật: Ông Lưu Văn X1 – Giám đốc, sinh ngày 15/4/1986, địa chỉ: Đội F, xã T5, huyện Đ, tỉnh Điện Biên. Vắng mặt.

10. Bà Vũ Thị O, sinh năm 1965. Địa chỉ: Số nhà G3, tổ dân phố I, phường M, thành phố Đ, tỉnh Điện Biên. Vắng mặt.

11. Công ty cổ phần tư vấn và đầu tư xây dựng Q. Người đại diện theo pháp luật: Ông Bùi Quý D3 - Giám đốc. Địa chỉ: Số nhà H11, Tổ dân phố J1, phường N, thành phố Đ, tỉnh Điện Biên. Vắng mặt.

12. Bà Nguyễn Thị T6, sinh ngày 21/3/1989. Địa chỉ: Số nhà Y1, tổ dân phố K, phường T3, thành phố Đ, tỉnh Điện Biên. Vắng mặt.

13. Bà Nguyễn Thị Thanh T7, sinh ngày 21/11/1988. Địa chỉ: Số nhà W, tổ dân phố H, phường T2, thành phố Đ, tỉnh Điện Biên. Vắng mặt.

14. Ủy ban nhân dân xã Z, huyện Đ, tỉnh Điện Biên. Người đại diện theo pháp luật: Ông Lê Tiến D4, chủ tịch UBND xã Z. Vắng mặt.

15. Ông Quản Bá B, sinh ngày 23/6/1965. Địa chỉ: Đội J2, xã T8, huyện Đ, tỉnh Điện Biên. Vắng mặt.

16. Công ty TNHH T5. Người đại diện theo pháp luật: Ông Lê Đức B2 – Giám đốc. Địa chỉ: Số nhà M, tổ dân phố I, phường N4, thành phố Đ, tỉnh Điện Biên. Vắng mặt.

17. Công ty cổ phần đầu tư và xây dựng V3. Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Hữu T9 – Giám đốc. Địa chỉ: Số nhà Q, tổ dân phố E, phường H2, thành phố Đ, tỉnh Điện Biên. Vắng mặt.

18. Trường tiểu học K, huyện Đ. Nguyên hiệu trưởng là bà Nguyễn Thị M. Địa chỉ: Trường phổ thông dân tộc bán trú tiểu học G2 huyện Đ. Vắng mặt.

19. Bà Lò Thị Thu H12, sinh ngày 12/10/1972. Địa chỉ: Kế toán trường tiểu học G3, xã T2, huyện Đ, tỉnh Điện Biên. Vắng mặt.

20. Ông Quàng Văn T10, sinh năm 1973. Địa chỉ: Trường tiểu học G3, xã T2, huyện Đ, tỉnh Điện Biên. Có mặt.

21. Công ty TNHH thương mại và xây dựng Đ. Người đại diện theo pháp luật: Ông Phùng Trọng Đ5. Địa chỉ: Tổ F, phường J3, thị xã P3, tỉnh Điện Biên. Vắng mặt.

22. Bà Đỗ Thị Thu H13, sinh năm 1986. Địa chỉ: Bản H14, phường N2, thị xã P3, tỉnh Điện Biên. Vắng mặt.

23. Công ty cổ phần tư vấn thiết kế và dịch vụ xây dựng thương mại Đ5. Người đại diện theo pháp luật: ông Đào Ngọc H15– Giám đốc. Địa chỉ: Số nhà P, tổ dân phố W, phường N, thành phố Đ, tỉnh Điện Biên. Vắng mặt.

24. Bà Đinh Thị Kim O. Địa chỉ: Số nhà U, tổ dân phố V5, phường T11, thành phố Đ, tỉnh Điện Biên. Vắng mặt.

25. Bà Vũ Thị N7. Địa chỉ: số nhà J4, tổ dân phố Q, phường T2, thành phố Đ, tỉnh Điện Biên. Vắng mặt.

26. Hợp tác xã T. Người đại diện theo pháp luật: Bà Phạm Thị L4. Địa chỉ: Số R, tổ dân phố X2, phường H10, thành phố Đ, tỉnh Điện Biên. Vắng mặt.

27. Công ty cổ phần tư vấn khảo sát và xây dựng G4. Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Quang H11 – Giám đốc. Địa chỉ: Số M, đường V6, phường T12, thành phố T1, tỉnh N5. Vắng mặt.

28. Công ty TNHH số I. Người đại diện theo pháp luật: Ông Trần Xuân P4 – Giám đốc. Địa chỉ: Số nhà R, tổ dân phố X3, phường K, thành phố Đ, tỉnh Điện Biên. Vắng mặt.

29. Bà Trần Thị Thanh T. Địa chỉ: Bản Y2, phường L5, thành phố Đ, tỉnh Điện Biên. Vắng mặt.

30. Công ty cổ phần xây dựng S. Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Thế V. Địa chỉ: Số M, tổ N6, phường O, thành phố Đ, tỉnh Điện Biên. Có mặt.

31. Bà Nguyễn Thị T13. Địa chỉ: Số nhà V7, tổ Y3, phường Z, thành phố Đ, tỉnh Điện Biên. Vắng mặt.

32. Doanh nghiệp xây dựng và thương mại P5. Người đại diện theo pháp luật: Ông Lê Thanh T14. Địa chỉ: Số nhà R, tổ dân phố B, phường K, thành phố Đ, tỉnh Điện Biên. Vắng mặt.

33. Bà Cà Thị B, sinh năm 1989. Địa chỉ: Số nhà T15, tổ Y4, phường M, thành phố Đ, tỉnh Điện Biên. Vắng mặt.

34. Công ty TNHH xây dựng T16. Người đại diện theo pháp luật. Bà Lê Thị T17 – Giám đốc, địa chỉ: Số nhà X4, tổ dân phố G, phường M, thành phố Đ, tỉnh Điện Biên. Vắng mặt.

35. Bà Lê Thị P, sinh ngày 05/11/1966. Địa chỉ: Số nhà E, tổ dân phố J5, phường T18, thành phố Đ, tỉnh Điện Biên. Vắng mặt.

36. Công ty TNHH xây dựng và vận tải T19. Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Trọng S - Giám đốc. Địa chỉ: Đội V8, xã N, huyện Đ, tỉnh Điện Biên. Vắng mặt.

37. Doanh nghiệp tư nhân H16. Người đại diện theo pháp luật: Bà Lò Thị P6, Địa chỉ: Khối Y5, thị trấn M, huyện M1, tỉnh Điện Biên. Vắng mặt.

38. Công ty TNHH M. Người đại diện theo pháp luật: Ông Thào A C. Địa chỉ: Bản V, xã T, huyện Y6, tỉnh Điện Biên. Vắng mặt.

39. Công ty TNHH tư vấn và xây dựng N7. Người đại diện theo pháp luật: Ông Phạm Văn C. Địa chỉ: Số nhà T20, bản X5, phường H17, thành phố Đ, tỉnh Điện Biên. Vắng mặt.

40. Công ty TNHH xây dựng thương mại N8. Người đại diện theo pháp luật: Bà Trương Thị N. Địa chỉ: Số nhà B, tổ dân phố F, phường M, thành phố Đ, tỉnh Điện Biên. Có mặt.

41. Công ty TNHH tư vấn xây dựng M. Người đại diện theo pháp luật: Ông Trần Đức T21. Địa chỉ: Tổ dân số T22, phường N, thành phố Đ, tỉnh Điện Biên. Có mặt.

42. Bà Hoàng Thị Y7, sinh năm 1992. Địa chỉ: Bản M, xã L6, thị xã W, tỉnh Điện Biên. Vắng mặt.

43. Doanh nghiệp tư nhân P7. Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Tiến M. Địa chỉ: Số nhà T23, tổ dân phố Y, phường N9, thành phố Đ, tỉnh Điện Biên. Vắng mặt.

44. Công ty TNHH H. Người đại diện theo pháp luật: Bà Hoàng Thị Minh T24, sinh năm 1972. Địa chỉ: Số nhà Q, tổ dân phố W, phường M, thành phố Đ, tỉnh Điện Biên. Vắng mặt.

45. Công ty TNHH thương mại và vận tải T25. Người đại diện theo pháp luật: Ông Bùi Văn L7. Địa chỉ: Số nhà G5, tổ dân phố X6, phường H18, thành phố Đ, tỉnh Điện Biên. Vắng mặt.

46. Ông Nguyễn Văn T26. Địa chỉ: Tiểu đoàn X7. Vắng mặt.

47. Ông Nguyễn Duy N10, . Địa chỉ: Trung tâm R. Vắng mặt.

48. Công ty TNHH Y8. Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Văn H20, sinh năm 1965. Địa chỉ: Đội X8, xã G6, huyện Đ, tỉnh Điện Biên. Vắng mặt.

49. Công ty cổ phần tư vấn và xây dựng H21. Người đại diện theo pháp luật: Ông Phạm Thế K. Địa chỉ: tổ dân phố U, phường T27, thành phố Đ, tỉnh Điện Biên. Vắng mặt.

50. Bà Trần Thị T28, sinh năm 1988. Địa chỉ: Đội R, xã J6, huyện Đ, tỉnh Điện Biên. Vắng mặt.

51. Doanh nghiệp tư nhân T29. Người đại diện theo pháp luật: Ông Phạm Ngọc T. Địa chỉ: Số nhà I, tổ dân phố Z, phường T30, thành phố Đ, tỉnh Điện Biên. Vắng mặt.

52. Doanh nghiệp tư nhân xây dựng L8. Người đại diện theo pháp luật: Bà Đặng Thị Thu H22. Địa chỉ: tổ dân phố O, phường T31, thành phố Đ, tỉnh Điện Biên. Vắng mặt.

53. Doanh nghiệp tư nhân R. Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Mạnh H. Địa chỉ G7, tổ dân phố O, phường T32, thành phố Đ, tỉnh Điện Biên. Vắng mặt.

54. Công ty TNHH Đ. Người đại diện theo pháp luật: Ông Vũ Văn H23. Địa chỉ: Số nhà V9, tổ dân phố R, phường T33, thành phố Đ, tỉnh Điện Biên. Vắng mặt.

55. Công ty TNHH xây dựng và thương mại Q. Người đại diện theo pháp luật: Bà Phạm Thị X9. Địa chỉ: Số nhà T34, tổ dân phố V10, phường Q, thành phố Đ, tỉnh Điện Biên. Vắng mặt.

56. Ông Hà Văn K. Địa chỉ: Trung tâm xã N, huyện Đ, tỉnh Điện Biên. Có mặt.

57. Bà Tổng Thị L9. Địa chỉ: số nhà P8, tổ dân phố N11, phường M, thành phố Đ, tỉnh Điện Biên. Có mặt.

58. Doanh nghiệp tư nhân xây dựng và thương mại N12. Người đại diện theo pháp luật: Bà Phạm Thị D5. Địa chỉ: số nhà R, tổ dân phố T35, phường Q, thành phố Đ, tỉnh Điện Biên. Vắng mặt.

59. Công ty TNHH M. Người đại diện theo pháp luật: Ông Lê Sinh C. Địa chỉ: Tổ dân phố U, phường T36, thành phố Đ, tỉnh Điện Biên. Vắng mặt.

60. Bà Đoàn Thị N. Địa chỉ: Bản H24, Phường T39, thành phố Đ, tỉnh Điện Biên. Vắng mặt.

61. Bà Tô Hương H25. Địa chỉ: tổ dân phố X10, phường N13, thành phố Đ, tỉnh Điện Biên. Có mặt.

62. Ông Lê Đình T40. Địa chỉ: Bản K, phường N14, thành phố Đ, tỉnh Điện Biên. Vắng mặt.

63. Bà Lê Thị T41, sinh năm 1994. Địa chỉ: Bản H26, phường N15, thành phố Đ, tỉnh Điện Biên. Vắng mặt.

64. Doanh nghiệp tư nhân H27. Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Văn T42, sinh năm 1981. Địa chỉ: Số nhà X11, tổ dân phố Z, phường M, thành phố Đ, tỉnh Điện Biên. Vắng mặt.

65. Bà Trần Thị H28. Địa chỉ số nhà X12, tổ dân phố Y, phường Z, thành phố Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên. Vắng mặt.

66. Doanh nghiệp tư nhân Đ. Người đại diện theo pháp luật: Ông Phan Văn H. Địa chỉ: Tổ dân phố R, phường T43, thành phố Đ, tỉnh Điện Biên. Vắng mặt.

67. Ông Phạm Ngọc L10. Địa chỉ: Tổ dân phố Q, phường N16, thành phố Đ, tỉnh Điện Biên. Vắng mặt.

68. Công ty TNHH tư vấn thiết kế và xây dựng T44. Người đại diện theo pháp luật: Ông Trần Tất T101. Địa chỉ: tổ dân phố M, phường T45, thành phố Đ, tỉnh Điện Biên. Vắng mặt.

69. Ông Ngô Văn S. Địa chỉ: Đội Z, xã T46, huyện Đ, tỉnh Điện Biên. Vắng mặt.

70. Công ty TNHH tư vấn thiết kế C. Người đại diện theo pháp luật: Ông Đào Công P. Địa chỉ: Số nhà Z, tổ dân phố F, phường T47, thành phố Đ, tỉnh Điện Biên. Vắng mặt.

71. Bà Nguyễn Thị T48. Địa chỉ: Số nhà M, tổ dân phố N, phường K, thành phố Đ, tỉnh Điện Biên. Vắng mặt.

72. Công ty TNHH thương mại và xây dựng T49. Người đại diện theo pháp luật: Ông Dương Đình T. Địa chỉ: Số nhà X13, tổ dân phố M, phường T, thành phố Đ, tỉnh Điện Biên. Vắng mặt.

73. Bà Phạm Thị G8. Địa chỉ: Số nhà L11, tổ dân phố N17, phường T50, thành phố Đ, tỉnh Điện Biên. Vắng mặt.

74. Ông Nguyễn Văn T. Địa chỉ: Đội T, xã N18, huyện Đ, tỉnh Điện Biên. Có mặt.

75. Công ty cổ phần đầu tư và xây dựng H29. Người đại diện theo pháp luật là: Ông Trần Danh S. Địa chỉ số nhà X14, tổ dân phố Y9, phường T51, thành phố Đ, tỉnh Điện Biên. Vắng mặt.

76. Bà Đinh Thị Hồng H30. Địa chỉ: Số nhà X15, tổ dân phố G, phường T52, thành phố Đ, tỉnh Điện Biên. Vắng mặt.

77. Công ty cổ phần tư vấn xây dựng và đầu tư T53. Người đại diện theo pháp luật: Bà Trần Thị H. Địa chỉ: Số nhà V11, tập thể G9, ngõ Q, phố T, phường B, quận Đ thành phố H3. Vắng mặt.

78. Trung tâm X16. Người đại diện là ông Phạm Văn T54 – Giám đốc. Địa chỉ: Thôn Z, xã T55, huyện Đ, tỉnh Điện Biên. Vắng mặt.

79. Bà Bùi Thị H31. Địa chỉ: Trung tâm X16. Địa chỉ: Thôn Z, xã T56, huyện Đ, tỉnh Điện Biên. Vắng mặt.

80. Công ty TNHH xây dựng và thương mại H32. Người đại diện theo pháp luật: Ông Bùi Đức T57. Địa chỉ: Số nhà R, tổ dân phố K, phường M, thành phố Đ. Vắng mặt.

81. Bà Vũ Lan A2. Địa chỉ: Số nhà Q, tổ T58, phường M, thành phố Đ, tỉnh Điện Biên. Vắng mặt.

82. Công ty TNHH đầu tư xây dựng và thương mại L12. Người đại diện theo pháp luật: Bà Bùi Thị V12. Địa chỉ: Đội Q, xã P9, huyện Đ, tỉnh Điện Biên. Vắng mặt.

83. Chi nhánh Công ty cổ phần đầu tư và xây dựng M. Người đại diện theo pháp luật: Ông Đinh Hữu D6. Địa chỉ: Số nhà Y10, tổ dân phố X17, phường T59, thành phố Đ, tỉnh Điện Biên. Vắng mặt.

84. Bà Tạ Thị N. Địa chỉ: Chi nhánh Công ty cổ phần đầu tư và xây dựng M, số nhà R, tổ dân phố Z, phường Q, thành phố Đ, tỉnh Điện Biên. Vắng mặt.

85. Công ty TNHH một thành viên xây dựng và thương mại T60. Người đại diện theo pháp luật: Bà Trần Thị H61. Địa chỉ: Khu Trung tâm thị trấn N, huyện N, tỉnh L. Vắng mặt.

86. Công ty cổ phần tư vấn và xây dựng M. Người đại diện theo pháp luật: Ông Phạm Quang M. Địa chỉ: Số nhà V13, tổ dân phố C, phường T62, thành phố Đ, tỉnh Điện Biên. Vắng mặt.

87. Công ty cổ phần xây dựng thủy lợi Đ. Người đại diện theo pháp luật: Ông Lê Văn A3(Lê Văn Q). Địa chỉ: Số nhà Y11, tổ dân phố I, phường M, thành phố Đ, tỉnh Điện Biên. Vắng mặt.

88. Ông Trần Văn Đ. Địa chỉ: Số nhà R, tổ dân phố J7, phường T63, thành phố Đ, tỉnh Điện Biên. Vắng mặt.

89. Doanh nghiệp tư nhân V14. Người đại diện: Ông Vũ Đức N. Địa chỉ: Số nhà Z, tổ dân phố F, phường M, thành phố Đ, tỉnh Điện Biên. Vắng mặt.

90. Bà Nguyễn Thị M. Địa chỉ: Số nhà O, tổ dân phố Q, phường M, thành phố Đ, tỉnh Điện Biên. Vắng mặt.

91. Công ty cổ phần xây dựng X18. Người đại diện theo pháp luật: Ông Vũ Văn P10 – Giám đốc. Địa chỉ: Số nhà Q, tổ dân phố R, phường M, thành phố Đ, tỉnh Điện Biên. Vắng mặt.

92. Bà Trần Thị Kim A4, kế toán trưởng Công ty cổ phần xây dựng X19. Địa chỉ: Số nhà Q, tổ dân phố R, phường M, thành phố Đ, tỉnh Điện Biên. Vắng mặt.

93. Công ty cổ phần Z, người đại diện: Ông Nguyễn Gia M – Phó giám đốc. Địa chỉ: Tầng R, tòa nhà T64, phố N19, phường G10, quận T, thành phố H3. Vắng mặt.

94. Ông Trần Đức D. Địa chỉ: Công ty cổ phần Z. Địa chỉ: Tầng R, tòa nhà T, phố N, phường G11, quận T, thành phố H3

95. Công ty cổ phần xây dựng F. Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Quang A5 – Giám đốc. Địa chỉ: Số nhà Z, tổ dân phố K, phường T, thành phố Đ, tỉnh Điện Biên. Vắng mặt.

96. Bà Lê Thị S. Địa chỉ: Số nhà T65, tổ dân phố Y, phường J8, thành phố Đ, tỉnh Điện Biên. Vắng mặt.

97. Công ty cổ phần đầu tư thương mại H. Người đại diện: Ông Cao Văn N. Địa chỉ: Đội F, xã T66, huyện Đ, tỉnh Điện Biên. Vắng mặt.

98. Bà Nông Thị P. Địa chỉ: Số nhà U, tổ dân phố I, phường O, thành phố Đ, tỉnh Điện Biên. Vắng mặt.

99. Công ty cổ phần đầu tư xây dựng và phát triển công nghệ V. Người đại diện theo pháp luật: Bà Lò Thị Huyền T3 – Giám đốc. Địa chỉ: Số nhà X20, tổ dân phố Z, phường T67, thành phố Đ, tỉnh Điện Biên. Vắng mặt.

100. Bà Nguyễn Thị Kim T68. Địa chỉ: Đội T69, xã Y12, huyện Đ, tỉnh Điện Biên. Vắng mặt.

101. Công ty TNHH đầu tư thương mại và dịch vụ H34. Người đại diện ông Nguyễn Văn T70 (Nguyễn Xuân T71) – Giám đốc tài chính. Địa chỉ: Số nhà W, tổ dân phố N20, phường M, thành phố Đ, tỉnh Điện Biên. Vắng mặt.

102. Bà Cao Thị D7. Địa chỉ: tổ dân phố F, phường S, thành phố Đ, tỉnh Điện Biên. Vắng mặt.

103. Công ty TNHH thương mại và dịch vụ V15. Người đại diện theo pháp luật: Ông Phạm Văn H35 – Giám đốc. Địa chỉ: Số nhà K, tổ dân phố Z, phường T72, thành phố Đ, tỉnh Điện Biên. Vắng mặt.

104. Ông Hoàng Tư C. Địa chỉ: Số nhà R, tổ dân phố Y13, phường T73, thành phố Đ, tỉnh Điện Biên. Vắng mặt.

105. Ông Trần Văn D. Địa chỉ: Số nhà T74, tổ dân phố M, phường Z, thành phố Đ, tỉnh Điện Biên. Vắng mặt.

106. Công ty TNHH xây dựng A1. Người đại diện theo pháp luật: Bà Nguyễn Thị N. Địa chỉ: Tổ dân phố Z, phường H36, thành phố Đ, tỉnh Điện Biên. Vắng mặt.

107. Công ty cổ phần tư vấn xây dựng T75. Người đại diện theo pháp luật: Ông Trần Ngọc L13 – Giám đốc. Địa chỉ: Tổ dân phố P11, thị trấn S, huyện Q, tỉnh Điện Biên. Vắng mặt.

108. Ông Đỗ Văn H. Địa chỉ: Đội X21, xã P, huyện Đ, tỉnh Điện Biên. Vắng mặt.

109. Công ty cổ phần công nghiệp xây dựng T76. Người đại diện: Ông Trần Đình K – Phó tổng giám đốc. Địa chỉ: Tầng R, tòa nhà Y14, phố L14, phường L15, quận Đ, thành phố H3. Vắng mặt.

110. Ông Trần Văn T77. Địa chỉ: Số nhà J9, tổ dân phố K, phường N, thành phố Đ, tỉnh Điện Biên. Vắng mặt.

111. Công ty TNHH G. Người đại diện theo pháp luật: Ông Hoàng Hắc H37 – Giám đốc. Địa chỉ: Số nhà Y15, tổ dân phố Z, phường M, thành phố Đ, tỉnh Điện Biên. Vắng mặt.

112. Bà Đinh Thị N. Địa chỉ: Số nhà T78, tổ dân phố X22, phường V16, thành phố Đ, tỉnh Điện Biên. Vắng mặt.

113. Công ty TNHH xây dựng N21. Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Văn H – Giám đốc. Địa chỉ: Đội R, xã P, huyện Đ, tỉnh Điện Biên. Vắng mặt.

114. Bà Nguyễn Thị P. Địa chỉ: Đội R, xã P12, huyện Đ, tỉnh Điện Biên. Vắng mặt.

115. Bà Phạm Thị H38. Địa chỉ: Chi cục thuế huyện U, tỉnh Điện Biên. Vắng mặt.

116. Công ty TNHH một thành viên xây dựng và thương mại Q, người đại diện theo pháp luật: Ông Trần Xuân T79 – Giám đốc. Địa chỉ: Bản P13, thị trấn N, huyện N, tỉnh L16. Vắng mặt.

117. Bà Đào Thị Cẩm V. Địa chỉ: Bản P, thị trấn N, huyện N, tỉnh L17. Vắng mặt.

118. Doanh nghiệp tư nhân H39. Người đại diện theo pháp luật: Bà Phan Như H40. Địa chỉ: số nhà U, Tổ dân phố V17, phường N, thành phố Đ, tỉnh Điện Biên. Vắng mặt.

119. Doanh nghiệp tư nhân H41. Người đại diện theo pháp luật: Ông Phạm Văn C. Địa chỉ: Tổ dân phố Z, thị trấn T80, huyện R, tỉnh Điện Biên. Vắng mặt.

120. Bà Nguyễn Thị H42. Địa chỉ: Tổ dân phố Z, thị trấn T81, huyện R, tỉnh Điện Biên. Vắng mặt.

121. Công ty TNHH thương mại và dịch vụ vận tải M. Người đại diện theo pháp luật: Bà Trần Thị L18. Địa chỉ: Khách sạn X23, tổ dân phố M, phường T82, thành phố Đ, tỉnh Điện Biên. Vắng mặt.

122. Ông Trần Văn N22. Địa chỉ: Số nhà R, tổ dân phố K, phường M, thành phố Đ, tỉnh Điện Biên. Vắng mặt.

123. Doanh nghiệp tư nhân số T83, người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Văn T. Địa chỉ: Số nhà X24, tổ dân phố Y16, phường Z, thành phố Đ, tỉnh Điện Biên. Vắng mặt.

124. Doanh nghiệp tư nhân Q. Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Đức Q. Địa chỉ: Số nhà R, tổ dân phố Z, phường T84, thành phố Đ, tỉnh Điện Biên. Vắng mặt.

125. Bà Nguyễn Thị O. Địa chỉ: Số nhà Q, tổ dân phố R, phường M, thành phố Đ, tỉnh Điện Biên. Vắng mặt.

126. Bà Lò Thị N23. Địa chỉ: Đội R, xã N, huyện Đ, tỉnh Điện Biên. Vắng mặt.

127. Ông Lò Văn N24. Địa chỉ: Bản J10, xã Y17, huyện Đ, tỉnh Điện Biên. Vắng mặt.

128. Bà Phạm Thị H. Địa chỉ: Tổ dân phố T85, phường X25, thành phố Đ, tỉnh Điện Biên. Vắng mặt.

129. Doanh nghiệp tư nhân xây dựng và thương mại H. Người đại diện theo pháp luật: Ông Vũ Văn K. Địa chỉ: Khối Z, thị trấn M, huyện M1, tỉnh Điện Biên. Vắng mặt.

130. Bà Hoàng Minh C. Địa chỉ: Số nhà Z, tổ K, phường T86, thành phố Đ, tỉnh Điện Biên. Vắng mặt.

131. Ông Đào Văn H43. Địa chỉ: Đội T, xã G12, huyện Đ, tỉnh Điện Biên. Vắng mặt.

132. Công ty TNHH XD SX Q. Người đại diện theo pháp luật: Ông Phạm Duy G— Giám đốc. Địa chỉ: Số Y18, T87, phường H, thành phố H44, tỉnh H10. Vắng mặt.

133. Bà Vũ Thị N25. Địa chỉ: Số nhà X26, tổ dân phố Y19, phường T88, thành phố Đ, tỉnh Điện Biên. Vắng mặt.

134. Công ty TNHH đầu tư và xây dựng M. Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Quyết C— Giám đốc. Địa chỉ: Số nhà G13, khối T89, thị trấn Z, huyện Z1, tỉnh Điện Biên. Vắng mặt.

135. Ông Hà Xuân Y20. Địa chỉ: Tổ dân phố J11, phường K, thành phố Đ, tỉnh Điện Biên. Vắng mặt.

136. Công ty cổ phần xây dựng và thương mại L19. Người đại diện theo pháp luật: Ông Đỗ Xuân T90. Địa chỉ: Tổ dân phố M, phường N, thành phố Đ, tỉnh Điện Biên. Vắng mặt.

137. Ông Bùi Xuân M. Địa chỉ: Số nhà Z, tổ dân phố I, phường K, thành phố Đ, tỉnh Điện Biên. Vắng mặt.

138. Công ty cổ phần T91. Người đại diện theo pháp luật: Bà Hoàng Thị M - Giám đốc. Địa chỉ: Số B, tổ dân phố Y21, phường N, thành phố Đ, tỉnh Điện Biên. Vắng mặt.

139. Ông Phạm Hồng T. Địa chỉ: Số nhà Q, tổ dân phố W, phường T92, thành phố Đ, tỉnh Điện Biên. Vắng mặt.

140. Bà Đinh Thị N. Địa chỉ: Tổ dân phố M, phường T, thành phố Đ, tỉnh Điện Biên. Vắng mặt.

141. Doanh nghiệp tư nhân xây dựng và thương mại G. Người đại diện theo pháp luật: Ông Trần Trung K. Địa chỉ: Số nhà Z, tổ dân phố V18, phường M, thành phố Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên. Có mặt.

142. Ông Ngọc Minh T93. Địa chỉ: Đội U, xã T94, huyện Đ, tỉnh Điện Biên. Vắng mặt.

143. Công ty cổ phần L20. Người đại diện theo pháp luật: Ông Quách Ngọc B. Địa chỉ: Phố N, xã T, huyện S, thành phố H3. Vắng mặt.

144. Ông Lò Văn D. Địa chỉ: Đội J12, xã D, huyện Đ, tỉnh Điện Biên. Vắng mặt.

145. Doanh nghiệp tư nhân T. Người đại diện theo pháp luật: Ông Lò Văn T95 – Giám đốc. Địa chỉ: Bản L21, xã Y22, huyện Đ, tỉnh Điện Biên. Vắng mặt.

146. Ông Vũ Văn H. Địa chỉ: Đội M, xã T96, huyện Đ, tỉnh Điện Biên. Vắng mặt.

147. Công ty TNHH tư vấn và xây dựng Đ. Người đại diện theo pháp luật: Ông Phùng Văn H – Giám đốc. Địa chỉ: Tổ dân phố Y23, phường N, thị xã X27, tỉnh Điện Biên. Vắng mặt.

148. Chi cục thuế thành phố Đ, tỉnh Điện Biên. Người đại diện theo ủy quyền của người đại diện theo pháp luật: Bà Vũ Thị V19 - Phó Chi cục trưởng. Địa chỉ: Phường T97, thành phố Đ, tỉnh Điện Biên. Có mặt.

149. Chi cục thuế huyện Đ, tỉnh Điện Biên. Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Thế V - Chi cục trưởng. Địa chỉ: Xã T98, huyện Đ, tỉnh Điện Biên. Có mặt.

150. Chi cục thuế quận H45, thành phố H2. Người đại diện theo pháp luật: Ông Đào Đình B – Chi cục trưởng. Địa chỉ: Số S, đường D, quận O, thành phố H2. Vắng mặt.

151. Công ty cổ phần X28. Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Văn T99. Địa chỉ: Số nhà T, tổ dân phố X29, phường M, thành phố Đ, tỉnh Điện Biên. Vắng mặt.

152. Ngân hàng R, chi nhánh tại Điện Biên. Người đại diện theo pháp luật: Ông Đoàn Đại D - Giám đốc. Địa chỉ: phường M, thành phố Đ, tỉnh Điện Biên. Vắng mặt.

153. Ngân hàng Z, chi nhánh tại Điện Biên. Người đại diện theo ủy quyền của người đại diện theo pháp luật: Ông Lê Trung T100 – Phó giám đốc. Địa chỉ: phường M, thành phố Đ, tỉnh Điện Biên. Có mặt.

- *Người giám định:*

1. Ông Dương Duy B. Địa chỉ: Cục thuế tỉnh Đ Có mặt.
2. Ông Hoàng Việt T101. Địa chỉ: Cục thuế tỉnh Đ. Vắng mặt.

- *Người tham gia tố tụng khác:*

1. Ông Nguyễn Văn H46. Địa chỉ: Cơ quan CSĐT Công an tỉnh Đ. Có mặt.
2. Ông Phạm Văn T102. Địa chỉ: Cơ quan CSĐT Công an tỉnh Đ. Có mặt.
3. Ông Vũ Văn H47. Địa chỉ: Cơ quan CSĐT Công an tỉnh Đ. Có mặt.
4. Ông Nguyễn Thế V20. Địa chỉ: Cơ quan CSĐT Công an tỉnh Đ. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

1. Hành vi mua bán trái phép hóa đơn của các bị cáo Phan Đắc V, Đặng Đình C, Nguyễn Thị T, Nguyễn Thị M, Nguyễn Thị Hải Y:

Do kinh doanh thua lỗ, Phan Đắc V nảy sinh ý định thành lập 02 doanh nghiệp ở tỉnh Điện Biên để hoạt động mua bán trái phép hóa đơn GTGT nhằm thu lợi bất chính. Năm 2017, Phan Đắc V liên hệ với Lò Văn H và Nguyễn Thị Hải Y thành lập 02 doanh nghiệp T1 và V1 tại Điện Biên. Thực tế 02 doanh nghiệp này không có hoạt động sản xuất, giao dịch hàng hóa mà lập khống hóa đơn bán cho các doanh nghiệp, cá nhân cần mua hóa đơn (GTGT) để kê khai thuế. V thỏa thuận với Y là 06 tháng mùa mưa V trả cho Y 2.500.000 đồng/tháng, 06 tháng mùa khô V trả 5.000.000 đồng/tháng. V hứa trả cho H 5.000.000 đồng/tháng nhưng sau đó chưa trả mà V trả công cho H bằng 01 chiếc xe máy trị giá 18.000.000 đồng. Y và H đồng ý đứng tên thành lập doanh nghiệp cho V. Sau đó V thuê Nguyễn Thị Thủy H1 là Phó giám đốc Văn phòng đại diện Công ty trách nhiệm hữu hạn (TNHH) T2 tại Điện Biên hoàn thiện thủ tục đăng ký thành lập doanh nghiệp tư nhân vận tải T2 Điện Biên và doanh nghiệp tư nhân V1. Ngày 17/3/2017 Sở kế hoạch và đầu tư tỉnh Điện Biên đã cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp đối với Doanh nghiệp tư nhân vận tải V1 (Doanh nghiệp V1) với chủ doanh nghiệp là Nguyễn Thị Hải Y. Ngày 24/3/2017 Sở kế hoạch và đầu tư tỉnh Điện Biên đã cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp đối với Doanh nghiệp tư nhân vận tải T1 (Doanh nghiệp T1) với chủ doanh nghiệp là Lò Văn H.

Sau khi được cấp giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, V nhờ Y và H lập tài khoản ngân hàng cho doanh nghiệp, nhờ Nguyễn Thị Thủy H1 làm các thủ tục cần thiết khác cho việc thành lập doanh nghiệp, mua và đăng ký phát hành hóa đơn

GTGT tại Chi Cục thuế huyện Đ và Chi Cục thuế thành phố Đ1. Ngày 01/4/2017 V lập hợp đồng với Nguyễn Thị Thủy H2 thực hiện các hoạt động kế toán cho doanh nghiệp V1 và doanh nghiệp T1 gồm: Cập nhật chứng từ kế toán, cân đối hóa đơn đầu vào, đầu ra, xuất hóa đơn của doanh nghiệp, kê khai báo cáo thuế và báo tài chính. Để thực hiện việc xuất hóa đơn được thuận lợi, V giao toàn bộ các quyền hóa đơn GTGT, dấu doanh nghiệp, dấu tên giám đốc, dấu chữ ký giám đốc của 02 doanh nghiệp tại văn phòng Công ty TNHH T2 cho H2 quản lý.

Đặng Đình C là cá nhân kinh doanh vật liệu xây dựng trên địa bàn tỉnh Điện Biên, do có quen biết từ trước nên V1 đã thỏa thuận với Đặng Đình C về việc giao cho C đứng ra giao dịch bán hóa đơn GTGT không của 02 doanh nghiệp V1 và T1 cho các đơn vị, cá nhân trên địa bàn tỉnh Điện Biên có nhu cầu mua hóa đơn để kê khai hàng hóa đầu vào. V và C thỏa thuận thống nhất tỷ lệ % hàng hóa (tiền) ghi trên hóa đơn C phải trả cho V cụ thể: mặt hàng cát, đá tính 12 %; mặt hàng cước vận chuyển, thép, cọc ép, cống, thuê máy, nhân công tính 6 %; mặt hàng gạch tính 8 % giá trị hàng hóa thanh toán ghi trên hóa đơn; mặt hàng xi măng tính 25.000 đồng/tấn ghi trên hóa đơn. Đối với mặt hàng xi măng, C mua hóa đơn GTGT là của V có nội dung giao dịch hàng hóa xi măng do hai doanh nghiệp T1 và V1 xuất thì V chỉ tính trên thực tế với C là 5.000 đồng/tấn do V đã mua hóa đơn đầu vào mặt hàng xi măng của C 20.000 đồng/tấn. Nếu C bán hóa đơn giá cao hơn giá thỏa thuận thì C được hưởng. Khi C cần lấy hóa đơn thì thông báo cho văn phòng Công ty TNHH T2 các thông tin để viết hóa đơn như đơn vị mua hàng, số lượng các mặt hàng, giá tiền để bộ phận văn phòng viết hóa đơn, sau đó C nhận hóa đơn đưa cho khách hàng. Đến cuối tháng V đối chiếu số liệu các quyền hóa đơn GTGT tại văn phòng Công ty TNHH T2 với số liệu mua bán hóa đơn do bên C tổng hợp để chốt số tiền C mua hóa đơn phải trả cho V, nếu số liệu phù hợp thì hai bên chốt số liệu ở bảng tổng hợp, V viết số tiền C mua hóa đơn C nợ V vào sổ tay và yêu cầu C ký nhận.

Từ tháng 7 năm 2017, Nguyễn Thị M được Đặng Đình C thuê làm kế toán nội bộ cho Công ty TNHH thương mại và dịch vụ V1, được C trả lương 5.000.000 đồng/tháng. Quá trình làm việc M biết rõ cả hai doanh nghiệp này do Phan Đắc V thành lập không có hoạt động sản xuất kinh doanh, không có công nhân, không có phương tiện máy móc. V thuê Y và H2 thành lập doanh nghiệp và làm giám đốc doanh nghiệp để mua bán trái phép hóa đơn, nhưng vì nể Đặng Đình C là giám đốc nơi Công ty mình đang làm việc nên M đã giúp C làm một số hoạt động mua bán trái phép hóa đơn như: Soạn thảo các hợp đồng kinh tế không giữa hai doanh nghiệp T1 và V1 với các đơn vị doanh nghiệp, cá nhân cần mua hóa đơn và mua bán hàng của C; nhận tổng hợp các thông tin về hóa đơn rồi chuyển cho văn phòng Công ty TNHH T2 để viết hóa đơn; giao hóa đơn GTGT không cho người mua; rút tiền từ tài khoản của 02 doanh nghiệp T1 và V1 do đơn vị mua hóa đơn chuyển vào tài khoản; nhận tiền bán trái phép hóa đơn mang về đưa cho C và người mua hóa đơn

số tiền thừa còn lại. Lập bảng kê tính toán số hóa đơn đã bán ra trong tháng; cân đối số tiền C phải trả cho V để hai bên ký chốt sổ, thanh toán tiền mua, bán trái phép hóa đơn với nhau, khi C đi vắng thì M trực tiếp chốt sổ với V. Nguyễn Thị M tham gia mua bán trái phép hóa đơn cùng Đặng Đình C với Phan Đắc V từ tháng 7 năm 2017 đến khi cơ quan điều tra phát hiện, ngoài số tiền lương làm kế toán nội bộ cho C M không được hưởng lợi gì thêm.

Trong thời gian được Phan Đắc V thuê làm giám đốc Doanh nghiệp V1, Nguyễn Thị Hải Y đồng thời là kế toán của văn phòng Công ty TNHH T2. Y biết 02 doanh nghiệp T1 và V1 không có hoạt động sản xuất, kinh doanh, không có kho, bãi, không máy móc, không có xưởng và công nhân, nhưng vẫn xuất hóa đơn GTGT cho các đơn vị khác nên Y biết mục đích của V thành lập doanh nghiệp là để bán trái phép hóa đơn GTGT để kiếm lời. Y nhận thức được việc làm của V là vi phạm pháp luật, song được V trả công nên không có ý kiến gì mà giúp sức cho V, C trong việc thực hiện các hoạt động mua bán hóa đơn như: Mua các quyền hóa đơn GTGT tại Chi Cục thuế thành phố Đ và Chi Cục thuế huyện Đ; mua nhiều quyền séc rút tiền tại Ngân hàng; viết ký tên, đóng dấu vào các tờ hóa đơn GTGT; ký tên, đóng dấu khống vào các tờ Séc của doanh nghiệp V1 đưa cho Đặng Đình C, Nguyễn Thị M rút tiền tại ngân hàng; soạn thảo, ký, đóng dấu vào các hợp đồng kinh tế khống; cầm các quyền Séc và ủy nhiệm chi của doanh nghiệp vận tải T1 cho Lò Văn H2 ký khống; đi rút tiền, nhận tiền bán hóa đơn trái phép từ tài khoản của doanh nghiệp V1, doanh nghiệp T1 tại ngân hàng và trả tiền dư cho khách hàng mua hóa đơn; giao lại tiền mua, bán hóa đơn cho C. Ngoài việc giúp sức cho Phan Đắc V trong việc mua bán hóa đơn của doanh nghiệp V1. Nguyễn Thị Hải Y còn giúp sức cho Đặng Đình C, Nguyễn Thị M trong việc mua bán 02 hóa đơn GTGT khống của doanh nghiệp T1 xuất cho doanh nghiệp TNHH thương mại và dịch vụ vận tải M tỉnh Điện Biên. Tổng số tiền Nguyễn Thị Hải Y được hưởng lợi từ việc đứng tên thành lập doanh nghiệp cho V là 28.355.000 đồng (BL: 600-613, 629-636, 866- 870, 893-900, 1027-1033, 1042-1046).

Để tránh bị cơ quan chức năng phát hiện và không phải nộp thuế GTGT, Phan Đắc V đã liên hệ với Nguyễn Thị T để mua hóa đơn GTGT trái phép của Công ty TNHH thương mại xây dựng H1 có địa chỉ tại phường Đ2, quận H6, thành phố H7 (Công ty H8) làm hóa đơn kê khai mua hàng đầu vào cho 02 doanh nghiệp T1 và V1. V và T thống nhất giá tiền mua hóa đơn như sau: Đối với mặt hàng cát, đá tính 4 % giá trị ghi trên hóa đơn; đối với hàng hóa khác tính 3 % giá trị ghi trên hóa đơn. Hàng tháng V đã căn cứ số liệu hóa đơn xuất ra đối với các mặt hàng trong tháng của doanh nghiệp T1 và V1 do Nguyễn Thị Thủy H1 thông báo để liên hệ với T số lượng hàng hóa để mua hóa đơn của Công ty H8. T cung cấp thông tin cho Vân là kế toán Công ty H8 để viết hóa đơn gửi lên tỉnh Đ cho V để chuyển cho Nguyễn Thị Thủy H1 kê khai hàng hóa đầu vào. Trước đó V và C cũng đã thỏa thuận: C có trách nhiệm bán hóa đơn cho các đơn vị; người có nhu cầu mua hóa

đơn tại tỉnh Điện Biên do 02 doanh nghiệp T1 và V1 xuất ra. Khi cần thanh toán tiền mua hóa đơn trái phép của công ty H8. V chỉ đạo C lấy tiền bán hóa đơn của 02 doanh nghiệp T1, V1 chuyển vào tài khoản của T tại ngân hàng. T rút tiền và giữ lại phần được hưởng lợi 5 %; số tiền còn lại chuyển cho Vân.

Để làm đầu vào cho sổ hàng hóa xi măng, sắt thép của 02 doanh nghiệp T1 và V1; V thỏa thuận mua hóa đơn GTGT khống của Đặng Đình C mặt hàng xi măng là 20.000 đồng/tấn được trừ vào tiền C mua hóa đơn ghi mặt hàng xi măng còn nợ V, mặt hàng sắt do số lượng ít nên V và C không tính tiền bán hóa đơn với nhau (BL: 49-60, 276-389, 559-582, 629-636, 817- 831,943-970).

Từ tháng 6 năm 2017 đến tháng 01 năm 2018 Phan Đắc V đã mua và sử dụng trái phép 43 tờ hóa đơn GTGT của Nguyễn Thị T, Đặng Đình C và Doanh nghiệp tư nhân vận tải H9 kê khai hàng hóa đầu vào cho hai doanh nghiệp T1 và V1 có tổng giá trị thanh toán ghi trên hóa đơn là 23.167.152.720, đồng; tiền thuế GTGT là 2.316.715.347 đồng; tổng giá trị thanh toán sau thuế là 25.483.868.067 đồng, chưa gây thiệt hại về thuế cho Nhà nước, cụ thể:

- Nguyễn Thị T bán cho Phan Đắc V 27 tờ hóa đơn GTGT với nội dung mua bán hàng hóa giữa Công ty H8 với 02 doanh nghiệp T1, V1 có tổng giá trị thanh toán ghi trên hóa đơn là 17.123.733.237 đồng, tiền thuế GTGT là 1.712.373.324 đồng, tổng giá trị thanh toán sau thuế là 18.836.106.561 đồng, T được V trả tiền mua hóa đơn là 606.687.640 đồng.

- Đặng Đình C bán trái phép hóa đơn cho Phan Đắc V 15 tờ hóa đơn gồm: 10 tờ hóa đơn GTGT của Công ty TNHH thương mại Đức Hải; 04 tờ hóa đơn GTGT của Doanh nghiệp tư nhân P; 01 tờ hóa đơn GTGT của Công ty TNHH thương mại và dịch vụ V1 tỉnh Điện Biên với giá trị thanh toán ghi trên hóa đơn là 5.339.802.023 đồng; tiền thuế GTGT là 533.980.277 đồng, tổng giá trị thanh toán sau thuế là 5.873.782.300 đồng.

- Phan Đắc V mua 01 tờ hóa đơn GTGT khống của doanh nghiệp tư nhân vận tải H9, mặt hàng bán là xi măng với tổng giá trị thanh toán ghi trên hóa đơn là 703.617.460 đồng, thuế GTGT là 70.361.746 đồng, tổng giá trị thanh toán sau thuế là 773.979.206 đồng (BL: 27- 36, 49- 60, 817- 831, 908- 919, 943- 970,1771-1805,1928- 1936).

Trong thời gian từ tháng 4 năm 2017 cho đến khi cơ quan điều tra phát hiện, Phan Đắc V cùng với Đặng Đình C đã bán và xuất 388 tờ hóa đơn GTGT trái phép của 02 doanh nghiệp T1, V1 cho 82 doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân với tổng giá trị thanh toán trước thuế ghi trên hóa đơn 22.029.093.473 đồng; thuế GTGT ghi trên hóa đơn là 2.202.909.358 đồng; trị giá hàng hóa ghi trên hóa đơn khống sau thuế là 24.232.002.495 đồng, cụ thể:

- Bán 67 tờ hóa đơn GTGT cho 17 doanh nghiệp, cá nhân để kê khai hàng hóa đầu vào với tổng giá trị hàng hóa trên hóa đơn trước thuế là 6.493.650.327 đồng, tổng tiền thuế GTGT là 649.365.031 đồng, tổng giá trị hàng hóa sau thuế 7.143.015.359 đồng, gây thiệt hại về thuế cho Nhà nước là 822.502.194 đồng (thuế GTGT là 649.365.031 đồng; thuế TNDN là 173.137.163 đồng)

- Bán 43 tờ hóa đơn không do 02 doanh nghiệp T1, V1 phát hành cho 10 tổ chức, doanh nghiệp, cá nhân với tổng giá trị hàng hóa trên hóa đơn trước thuế là 4.182.631.319 đồng, tổng tiền thuế GTGT 418.263.135 đồng, tổng giá trị hàng hóa sau thuế là 4.600.894.454 đồng, các hóa đơn này chưa được kê khai thuế hoặc đã kê khai nhưng không dùng để khấu trừ thuế nên không gây thiệt hại về thuế cho Nhà nước.

- Trong quá trình buôn bán vật liệu xây dựng, Đặng Đình C đã sử dụng 253 tờ hóa đơn với tổng giá trị hàng hóa trên hóa đơn trước thuế là 11.022.919.055 đồng, tổng tiền thuế GTGT là 1.102.291.909 đồng, tổng giá trị hàng hóa sau thuế là 12.125.220.628 đồng do 02 doanh nghiệp T1, V1 phát hành để trả hóa đơn cho 49 doanh nghiệp, cá nhân mua hàng hóa thật của C. Khi xuất hóa đơn trả cho doanh nghiệp, cá nhân C đưa thông tin gian dối là 02 doanh nghiệp T1, V1 do C đóng cổ phần, gây thiệt hại về thuế cho Nhà nước là 1.925.061.302 đồng (thuế GTGT là 1.102.291.909 đồng, thuế TNDN là 822.769.393 đồng).

- Đặng Đình C đã sử dụng 25 tờ hóa đơn GTGT không do 02 doanh nghiệp T1, V1 phát hành để trả cho 13 tổ chức, doanh nghiệp, cá nhân mua hàng hóa thật của C với tổng giá trị hàng hóa ghi trên hóa đơn trước thuế là 329.893.771 đồng, tổng tiền thuế GTGT là 32.989.278 đồng, tổng giá trị hàng hóa sau thuế là 362.883.049 đồng, các hóa đơn này chưa được kê khai thuế hoặc đã kê khai nhưng không dùng để khấu trừ thuế nên không gây thiệt hại về thuế cho Nhà nước (BL:145-166,276-389,559-582, 548-585,629-636, 1825-1839,1841-1846, 1851-1858, 1861-1867, 1945-6351, 6525-6682)

Ngoài bán hóa đơn trái phép của 02 doanh nghiệp T1 và V1, Phan Đắc V và Đặng Đình C còn mua trái phép 04 tờ hóa đơn GTGT của Công ty H8 do Nguyễn Thị T bán trái phép cho Lò Thị Huyền T3 – Giám đốc công ty cổ phần đầu tư xây dựng và phát triển công nghệ V với giá trị thanh toán trước thuế ghi trên 04 tờ hóa đơn là 4.863.727.272 đồng, thuế GTGT ghi trên hóa đơn 486.372.728 đồng, trị giá hàng hóa ghi trên 04 hóa đơn GTGT sau thuế 5.350.100.000 đồng cụ thể: Nguyễn Thị T bán cho Phan Đắc V 04 tờ hóa đơn trên với giá bán là 3 % trị giá hàng hóa ghi trên hóa đơn tương đương với 145.901.819 đồng, V bán trái phép 4 tờ hóa đơn cho C 4 % trị giá hàng hóa ghi trên hóa đơn tương đương 194.549.091 đồng. Số tiền Lò Thị Huyền Thương phải trả cho Đặng Đình C là 8 % giá trị hàng hóa ghi trên hóa đơn tương đương 389.098.182 đồng, 04 tờ hóa đơn không được kê khai nên không gây thiệt hại về thuế cho Nhà nước.

Ngoài bán hóa đơn trái phép cho C, V còn bán trái phép 04 tờ hóa đơn GTGT không và sử dụng 01 tờ hóa đơn GTGT không của hai doanh nghiệp T1, V1, 05 tờ hóa đơn này không được kê khai thuế nên không gây thiệt hại về thuế cho Nhà nước, cụ thể:

- Bán cho Tạ Thị N là kế toán của chi nhánh công ty cổ phần đầu tư và xây dựng Mường Thanh và làm kiêm kế toán Văn phòng đại diện công ty TNHH T2 tại Điện Biên 04 tờ hóa đơn GTGT ghi khống nội dung cho 02 công ty với tổng giá trị thanh toán ghi trên 04 tờ hóa đơn là 2.160.250.000 đồng, tổng tiền mua hóa đơn Ngà phải trả cho V là 30.900.000 đồng.

- V còn tự ý sử dụng 01 tờ hóa đơn ghi nội dung khống doanh nghiệp T xuất hàng cho V với số tiền ghi trên hóa đơn bao gồm cả thuế GTGT là 17.000.000 đồng với mục đích vận chuyển hàng hóa về quê để sử dụng cá nhân (BL: 6097-6248).

Tại Công văn số 448/CCT-KKKT ngày 24/9/2018 của Chi Cục thuế thành phố Đ Phủ xác định doanh nghiệp tư nhân vận tải V1 đã nộp 4.000.000 đồng tiền thuế môn bài năm 2017 và năm 2018. Hiện đang nợ thuế GTGT: 8.120.236 đồng; tiền chậm nộp: 518.882 đồng.

Tại Công văn số 940/CCT-KTr ngày 21/9/2018 của Chi Cục thuế huyện Đ xác định doanh nghiệp tư nhân vận tải T đã nộp 4.000.000 đồng tiền thuế môn bài năm 2017 và năm 2018, hiện đang nợ thuế GTGT: 8.895.135 đồng, tiền chậm nộp 614.000 đồng.

2. Hành vi mua bán trái phép hóa đơn của Trần Văn C:

Năm 2017 Trần Văn C là lái xe ô tô tải nhận cung cấp vật liệu xây dựng cho Nguyễn Văn Trọng - Giám đốc doanh nghiệp tư nhân số 31 tỉnh Điện Biên. C có thỏa thuận với Trọng giá bán vật liệu xây dựng bao gồm cả thuế GTGT, C có trách nhiệm xuất trả hóa đơn đầu vào cho doanh nghiệp tư nhân số 31. Do mua vật liệu do người dân tự khai thác nên không có hóa đơn trả cho doanh nghiệp số 31, Trần Văn C đã liên hệ với Đặng Đình C mua 12 tờ hóa đơn GTGT của doanh nghiệp T với tổng giá trị sau thuế là 211.609.998 đồng để trả cho doanh nghiệp số 31 tỉnh Điện Biên. Ngoài ra C còn mua 02 tờ hóa đơn của doanh nghiệp V1 gồm: 01 hóa đơn với giá trị thanh toán sau thuế là 19.250.000 đồng xuất cho Công ty TNHH L3 do Trần Văn C làm giám đốc (Thành lập ngày 24/11/2017); 01 hóa đơn với giá trị thanh toán sau thuế là 10.230.000 đồng để trả cho Công ty TNHH xây dựng và thương mại Hà Tùng. Tổng cộng Trần Văn C mua của Đặng Đình C 14 tờ hóa đơn GTGT ghi nội dung các mặt hàng cát, đá trên hóa đơn có tổng giá trị thanh toán sau thuế là 241.090.000 đồng; số tiền C bỏ ra mua hóa đơn 44.000.000 đồng. Tổng số Trần Văn C mua của Đặng Đình C 14 tờ hóa đơn GTGT có giá trị hàng hóa ghi trên hóa đơn trước thuế là 219.172.727 đồng, tiền thuế GTGT là 21.917.273 đồng; tổng giá trị thanh toán sau thuế là 241.090.000 đồng. **Gây thiệt hại thuế phải nộp cho Nhà nước là 32.465.909 đồng, trong đó thuế GTGT là 21.917.273**

đồng, thuế thu nhập doanh nghiệp là 10.548.636 đồng (BL: 651-660, 671-676, 5988-6064).

3. Hành vi mua bán trái phép hóa đơn của Nguyễn Đức T:

Năm 2017 Nguyễn Đức T làm nghề lái xe tải đã bán cho Nguyễn Đức Quyết – Giám đốc doanh nghiệp tư nhân Quyết Thắng 510 m³ để thi công xây dựng công trình tại xã M huyện Đ và 185,6 tấn xi măng để thi công xây dựng công trình tại huyện N, Q yêu cầu T phải trả hóa đơn GTGT để quyết toán các công trình. Do không đăng kí kinh doanh nên T liên hệ với Đặng Đình C để mua hóa đơn trả cho doanh nghiệp Quyết Thắng. Cả hai thỏa thuận giá bán hóa đơn cát là 22 %; cước vận chuyển là 8 % trị giá hàng hóa trên hóa đơn. C bảo T chuyển thông tin hóa đơn cho M báo cho Nguyễn Thị Thủy H1 viết hóa đơn. Sau đó M và C đưa cho T 11 tờ hóa đơn GTGT không (03 hóa đơn của doanh nghiệp T và 08 hóa đơn của doanh nghiệp V1) xuất cho doanh nghiệp Quyết Thắng để T trả hóa đơn cho Quyết.

Ngoài ra, vào tháng 11/2017 Nguyễn Đức T còn mua của Đặng Đình C 01 hóa đơn GTGT của doanh nghiệp T với số tiền 500.000 đồng để xuất cho doanh nghiệp tư nhân xây dựng và thương mại Gia Khánh do trước đó T đã bán 10 m³ cát với giá 2.900.000 đồng cho doanh nghiệp Gia Khánh.

Tổng số Nguyễn Đức T đã mua của Đặng Đình C 11 tờ hóa đơn GTGT có giá trị hành hóa ghi trên hóa đơn trước thuế là 164.389.583 đồng, tiền thuế GTGT là 16.438.957 đồng. Tổng giá trị thanh toán sau thuế là 180.828.539 đồng; **gây thiệt hại tổng số thuế phải nộp cho Nhà nước 24.262.983 đồng, trong đó thuế GTGT là 16.175.322 đồng; thuế thu nhập doanh nghiệp là 8.087.661 đồng.**

4. Hành vi mua bán trái phép hóa đơn của Đào Trọng T và Phạm Hoàng A:

Trong tháng 01/2018 Công ty cổ phần xây dựng T1 (Công ty do Đào Trọng T góp cổ phần) và Công ty TNHH A1 do Nguyễn Thị Nhân làm giám đốc thực hiện thi công thi công trình nước sinh hoạt xã Tà Lèng và đường nước sinh hoạt tại đường U thành phố Đ. T được hai công ty này giao cho mua vật liệu xây dựng để thi công 02 công trình. Đào Trọng T mua đá, cát của Đỗ Văn Hữu nhưng không có hóa đơn GTGT. Để hợp thức hóa chứng từ thanh, quyết toán cho Công ty cổ phần tư vấn xây dựng T1 và Công ty TNHH xây dựng A1, T nhờ Phạm Hoàng A mua hộ hóa đơn GTGT mặt hàng cát, đá. Sau đó Phạm Hoàng A liên hệ với Đặng Đình C để hỏi mua hóa đơn, C đồng ý và bảo Hoàng A thông báo cho C số lượng hàng hóa, giá tiền để C viết hóa đơn. Sau đó T cung cấp cho Hoàng A bảng kê hàng hóa, giá các mặt hàng cần ghi trong hóa đơn. Do không quen C nên T bảo Hoàng A nói với C viết hóa đơn dưới 20.000.000 đồng để không phải làm hợp đồng và chuyển khoản. Hoàng A đưa bảng kê do T cung cấp cho C. C chỉ đạo M thông tin cho Nguyễn Thị Thủy H1 để viết 15 tờ hóa đơn không của doanh nghiệp T theo số lượng hàng hóa và giá tiền T cung cấp (Viết cho Công ty T1 10 tờ hóa đơn; viết

cho Công ty A1 05 tờ hóa đơn) và báo cho Hoàng A tiền mua hóa đơn là 23.172.000 đồng. Sau đó T đã đưa cho Hoàng A 23.172.000 đồng để trả tiền mua hóa đơn của Đặng Đình C, Hoàng A đã đưa cho T 15 tờ hóa đơn; Thẻ đưa 05 tờ hóa đơn xuất cho Công ty TNHH xây dựng A1 cho Nguyễn Thị N, T không nói cho N biết 05 tờ hóa đơn là do mua bán trái phép mà có.

Tổng số hóa đơn Đào Trọng T, Phạm Hoàng A mua của Đặng Đình C là 15 tờ hóa đơn GTGT, có trị giá hàng hóa ghi trên hóa đơn trước thuế là 211.588.000 đồng; thuế GTGT 21.158.800 đồng, tổng giá trị thanh toán sau thuế là 232.746.800 đồng. Công ty cổ phần T1 và công ty TNHH xây dựng A1 chưa kê khai 15 tờ hóa đơn trên nên chưa gây thiệt hại về thuế cho Nhà nước.

Tại Bản Cáo trạng số 07/QĐ-VKS-P2 ngày 23 tháng 4 năm 2019 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Điện Biên đã truy tố các bị cáo: Phan Đắc V và Đặng Đình C về tội “*Mua bán trái phép hóa đơn*” theo điểm d, đ, e khoản 2 Điều 203 Bộ luật Hình sự; Nguyễn Thị M, Nguyễn Thị Hải Y về tội: “*Mua bán trái phép hóa đơn*” theo điểm d, e khoản 2 Điều 203 Bộ luật Hình sự; Nguyễn Thị T về tội: “*Mua bán trái phép hóa đơn*” theo điểm d khoản 2 Điều 203 Bộ luật Hình sự; Nguyễn Đức T, Trần Văn C, Đào Trọng T, Phạm Hoàng A về tội: “*Mua bán trái phép hóa đơn*” theo quy định tại khoản 1 Điều 203 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa Kiểm sát viên thực hành quyền công tố vẫn giữ nguyên nội dung trong bản Cáo trạng và quyết định truy tố, Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử:

- Căn cứ vào khoản 1, khoản 2 Điều 203 Bộ luật Hình sự. Tuyên bố các bị cáo: Phan Đắc V, Đặng Đình C, Nguyễn Thị T, Nguyễn Thị M, Nguyễn Thị Hải Y, Trần Văn C, Nguyễn Đức T, Đào Trọng T1, Phạm Hoàng A đều phạm tội “*Mua bán trái phép hóa đơn*”.

- Áp dụng khoản 1, khoản 3 Điều 203; Điều 36; điểm s, i khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Nguyễn Đức T từ 06 tháng đến 09 tháng cải tạo không giam giữ. Miễn trừ thu nhập và giao bị cáo cho UBND xã X, huyện Đ, tỉnh Điện Biên giám sát, giáo dục. Phạt bổ sung bằng tiền từ 10 triệu đến 20 triệu đồng.

- Áp dụng khoản 1, khoản 3 Điều 203; Điều 36; điểm s, i khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Trần Văn C từ 06 tháng đến 09 tháng cải tạo không giam giữ. Miễn khấu trừ thu nhập và giao bị cáo cho UBND thị trấn M, huyện M1, tỉnh Điện Biên giám sát, giáo dục. Phạt bổ sung bằng tiền từ 10 triệu đồng đến 20 triệu đồng.

- Áp dụng khoản 1 Điều 203; Điều 35; điểm i, s, v khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Phạt tiền là hình phạt chính đối với bị cáo Đào Trọng T1 từ 80 triệu đồng đến 90 triệu đồng.

- Áp dụng khoản 1 Điều 203; điểm s, i, v khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 35 Bộ luật Hình sự. Phạt tiền là hình phạt chính đối với bị cáo Phạm Hoàng A từ 70 triệu đồng đến 80 triệu đồng.

- Áp dụng các điểm d, đ, e khoản 2, khoản 3 Điều 203; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Phan Đắc V từ 18 tháng đến 24 tháng tù. Phạt bổ sung bằng tiền từ 25 triệu đến 30 triệu đồng.

- Áp dụng các điểm d, đ, e khoản 2, khoản 3 Điều 203; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Đặng Đình C từ 18 tháng đến 24 tháng tù được khấu trừ 09 ngày tạm giữ. Phạt bổ sung bằng tiền từ 25 triệu đến 30 triệu đồng.

- Áp dụng điểm d khoản 2, khoản 3 Điều 203; điểm b, s khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị T từ 15 tháng đến 18 tháng tù được khấu trừ 60 ngày tạm giam. Phạt bổ sung bằng tiền từ 25 triệu đến 30 triệu đồng.

- Áp dụng các điểm d, e khoản 2 Điều 203; điểm b, s khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị Hải Y từ 12 tháng đến 15 tháng tù. Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

- Áp dụng các điểm d, e khoản 2 Điều 203; điểm b, s, t khoản 1, khoản 2 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 54 Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo Nguyễn Thị M từ 09 tháng đến 12 tháng tù; không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

Về xử lý vật chứng và tài sản tạm giữ:

- Áp dụng Điều 47 Bộ luật Hình sự và điểm b khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự tịch thu số tiền và tài sản của các bị cáo và những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan do thực hiện hành vi vi phạm pháp luật mà có nộp ngân sách Nhà nước, cụ thể:

+ Đối với Phan Đắc V: Tổng số tiền là 936.623.036 đồng, được khấu trừ giá trị 02 chiếc xe máy, 10.000.000 đồng bị cáo đã tự nguyện nộp để khắc phục hậu quả và 28.355.000 đồng đã trả công cho Nguyễn Thị Hải Y.

+ Đối với Đặng Đình C: Tổng số tiền là 660.185.304 đồng, đã nộp 300.000.000 đồng còn phải nộp tiếp là 360.185.304 đồng.

+ Đối với Nguyễn Thị T: Tổng số tiền 752.589.459 đồng, đã nộp 20.000.000 đồng để khắc phục hậu quả, còn phải nộp 732.589.459 đồng.

+ Đối với Nguyễn Thị Hải Y: Tổng số tiền 28.355.000 đồng được Phan Đắc V trả tiền công thuê làm giám đốc, đã nộp 5.000.000 đồng để khắc phục hậu quả, còn phải nộp 23.355.000 đồng.

+ Đối với Lò Văn H2 01 xe máy (đã tạm giữ) được Phan Đắc V trả tiền công thuê làm giám đốc.

+ Đối với số tiền 9.900.000 đồng là số tiền Phạm Thị H (Chi cục thuế huyện R, tỉnh Điện Biên) hưởng lợi từ việc mua bán hóa đơn đã tự nguyện giao nộp Cơ quan chức năng.

+ Số tiền 5.000.000 đồng bà Nguyễn Thị L3 được trả để đứng tên thành lập Công ty H8

- Áp dụng Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự tịch thu toàn bộ số hóa đơn để lưu theo hồ sơ vụ án; tịch thu toàn bộ các con dấu của 02 doanh nghiệp T1 và V1 để tiêu hủy; trả lại các vật chứng không liên quan đến hành vi phạm tội cho chủ sở hữu hợp pháp; buộc các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm.

Tại phiên tòa, các bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội đúng như bản Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Điện Biên đã truy tố. Trong phần tranh luận, các bị cáo không tranh luận với Kiểm sát viên; nói lời sau cùng các bị cáo chỉ xin giảm nhẹ hình phạt. Bị cáo Phan Đắc V xin được hưởng mức hình phạt thấp nhất và được hưởng án treo; bị cáo Đặng Đình C xin được xử phạt bằng hình phạt bằng tiền là hình phạt chính.

Những người bào chữa cho bị cáo Phan Đắc V không nhất trí áp dụng điểm e khoản 2 Điều 203 Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Phan Đắc V. Vì thời điểm tính thiệt hại về thuế là tạm tính nên chưa có thiệt hại về thuế Nhà nước theo điểm e khoản 2 Điều Bộ luật Hình sự. Bị cáo Phan Đắc V không thực hiện hành vi phạm tội nhiều lần như kết luận của Kiểm sát viên. Phan Đắc V được xác định là bị bệnh tâm thần phân liệt nên phải được áp dụng điểm q khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự và cho bị cáo được hưởng mức án thấp nhất của khung hình phạt. Đề nghị Hội đồng xét xử cho bị cáo Phan Đắc V được hưởng án treo theo Điều 65 Bộ luật Hình sự và Nghị quyết số 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15/5/2018 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng Điều 65 của Bộ luật Hình sự về án treo.

Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:

- Các đơn vị doanh nghiệp, cá nhân, tổ chức phần lớn có đơn xin xét xử vắng mặt và vắng mặt không có lý do. Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có đơn, có biên bản ghi lời khai của cơ quan điều tra giữ nguyên lời khai như đã khai tại cơ quan điều tra; Không có đơn vị, cá nhân, doanh nghiệp nào yêu cầu giải quyết về quyền lợi trực tiếp.

- Đối với Chi Cục thuế thành phố Đ1: Tại phiên tòa đơn vị đã có công văn đề nghị cơ quan tiến hành tố tụng phối hợp về việc thu tiền thuế nợ của Doanh nghiệp tư nhân vận tải V1. Cụ thể Doanh nghiệp tư nhân vận tải V1 phải nộp ngay số tiền

thuế còn nợ đọng tính đến ngày 31/7/2019 là 11.561.964 đồng vào ngân sách nhà nước.

- Đối với Chi cục Thuế huyện Đ: Tại phiên tòa đơn vị đã có công văn đề nghị Hội đồng xét xử xem xét thu hồi số tiền nợ, tiền phạt và tiền chậm nộp của Doanh Nghiệp tư nhân vận tải T1 số tiền 10.317.703 đồng (số tiền thuế còn nợ đọng tính đến ngày 31/7/2019) để sung vào ngân sách nhà nước.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi phạm tội của các bị cáo: Trong quá trình tranh tụng công khai tại phiên tòa các bị cáo đều khai nhận hành vi phạm tội của mình đúng như bản Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Điện Biên đã truy tố các bị cáo về tội: “*Mua bán trái phép hóa đơn*”. Lời khai của các bị cáo tại phiên tòa sơ thẩm phù hợp với lời khai của các bị cáo tại cơ quan cơ quan điều tra, phù hợp với các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ đã được làm sáng tỏ tại phiên tòa.

- Bị cáo Phan Đắc V công nhận: Trong năm 2017, 2018 bị cáo đã mua bán trái phép 440 tờ hóa đơn GTGT, tính thiệt hại về thuế 2.747.563.496 đồng, thu lợi bất chính 936.623.036 đồng.

- Bị cáo Đặng Đình C tham gia cùng Phan Đắc V mua bán trái phép 434 tờ hóa đơn GTGT, tính thiệt hại về thuế là 2.747.563.496 đồng, thu lợi bất chính 660.187.304 đồng.

- Bị cáo Nguyễn Thị T cùng với bị cáo Phan Đắc V mua bán trái phép 31 tờ hóa đơn GTGT, thu lợi bất chính là 37.588.972 đồng.

- Bị cáo Nguyễn Thị M giúp sức cho Phan Đắc V và Đặng Đình C mua bán trái phép 327 tờ hóa đơn GTGT, tính thiệt hại về thuế Nhà nước là 2.311.847.054 trong tổng số thiệt hại về thuế 2.747.563.496 đồng.

- Bị cáo Nguyễn Thị Hải Y giúp sức cho Phan Đắc V, Đặng Đình C và Nguyễn Thị M mua bán trái phép 329 tờ hóa đơn GTGT, tính thiệt hại về thuế Nhà nước là 1.245.981.615 đồng trong tổng số thiệt hại về thuế 2.747.563.496 đồng, thu lợi 28.355.000 đồng.

- Bị cáo Trần Văn C đã mua bán trái phép 14 tờ hóa đơn GTGT không của Đặng Đình C tính thiệt hại về thuế Nhà nước là 32.465.909 đồng.

- Bị cáo Nguyễn Đức T mua 12 tờ hóa đơn GTGT của Đặng Đình C, tính thiệt hại về thuế cho Nhà nước 24.262.983 đồng.

- Các bị cáo Đào Trọng T1 và Phạm Hoàng A mua 15 tờ hóa đơn GTGT không của Đặng Đình C, chưa gây thiệt hại về thuế.

Cơ quan điều tra đã trưng cầu giám định số 17 ngày 28/02/2019 trưng cầu Giám định viên thuộc Cục thuế tỉnh Đ để giám định thiệt hại về thuế đối với Nhà nước.

Tại Bản kết luận số 06/CT-GĐV ngày 10/3/2019 của Cục thuế tỉnh Đ đã xác định tính thiệt hại về thuế Nhà nước tại thời điểm giám định là 2.747.563.496 đồng và các tài liệu do cơ quan điều tra cung cấp xác định hành vi mua bán trái phép hóa đơn của các bị cáo là có căn cứ chính xác. Tổng tiền thiệt hại về thuế Nhà nước do hành vi phạm tội của các bị cáo gây ra (Theo kết luận giám định) có giá trị chứng minh định khung hình phạt. Do đó Hội đồng xét xử đủ căn cứ xác định:

+ Các bị cáo Phan Đắc V và Đặng Đình C đều phạm tội: “*Mua bán trái phép hóa đơn*”. Tội phạm và hình phạt quy định tại điểm d, đ, e khoản 2 Điều 203 Bộ luật Hình sự.

+ Bị cáo Nguyễn Thị T phạm tội “*Mua bán trái phép hóa đơn*”. Tội phạm và hình phạt quy định tại điểm d khoản 2 Điều 203 Bộ luật Hình sự.

+ Các bị cáo Nguyễn Thị M và Nguyễn Thị Hải Y đều phạm tội: “*Mua bán trái phép hóa đơn*”. Tội phạm và hình phạt quy định tại điểm d, e khoản 2 Điều 203 Bộ luật Hình sự.

+ Các bị cáo Trần Văn C, Nguyễn Đức T, Phạm Hoàng A và Đào Trọng T1 đều phạm tội: “*Mua bán trái phép hóa đơn*”. Tội phạm và hình phạt quy định tại khoản 1 Điều 203 Bộ luật Hình sự.

Bởi vậy, bản Cáo trạng số 07/QĐ-VKS-P2 ngày 23/4/2019 của Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Điện Biên đã truy tố các bị cáo Phan Đắc V, Đặng Đình C, Nguyễn Thị T, Nguyễn Thị M, Nguyễn Thị Hải Y, Trần Văn C, Nguyễn Đức T, Đào Trọng T1, Phạm Hoàng A về tội: “*Mua bán trái phép hóa đơn*” theo các điểm, khoản của Điều 203 Bộ luật Hình sự đối với từng bị cáo như trên là đúng người, đúng tội, không oan sai.

- Trong hồ sơ vụ án còn thể hiện:

+ Đối với Lò Văn H2 là người được bị cáo Phan Đắc V nhờ đứng ra thành lập doanh nghiệp T, H2 có ký khống vào một số giấy tờ, séc của Doanh nghiệp T do V, Y đưa cho nhưng không biết việc mua bán trái phép hóa đơn của các bị cáo nên Cơ quan điều tra, truy tố không xem xét xử lý đối với Lò Văn H2.

+ Đối với Nguyễn Thị Thủy H1, Khuất Thị G2, Lường Thị P2, Nguyễn Thị T13 là nhân viên làm việc tại Văn phòng đại diện của Công ty TNHH T tại Điện Biên. Các nhân viên này thực hiện các dịch vụ về kế toán đối với doanh nghiệp T và doanh nghiệp T2, họ không biết 02 doanh nghiệp này trên thực tế có hoạt động kinh doanh không nên không biết việc mua bán trái phép hóa đơn nên không đề cập xử lý.

Tuy nhiên qua các tài liệu trong hồ sơ và tại phiên tòa bị cáo Phan Đắc V có nhờ và trả công cho Lò Văn H2 làm giám đốc doanh nghiệp T1 và nhờ Nguyễn Thị Thủy H1 làm các thủ tục để thành lập hai Doanh nghiệp T1, Doanh nghiệp V1 quản lý toàn bộ sổ sách, hóa đơn, con dấu của 02 doanh nghiệp. Lò Văn H và Nguyễn Thị Thủy H1 đã có dấu hiệu đồng phạm với bị cáo Phan Đắc V. Tòa án nhân dân tỉnh Điện Biên đã có Quyết định số 01/2019/HSST-QĐ ngày 04/6/2019

về việc trả hồ sơ điều tra bổ sung. Song Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Điện Biên vẫn giữ nguyên quan điểm không xem xét trách nhiệm hình sự đối với Lò Văn H2 và Nguyễn Thị Thủy H1. Do thực hiện việc giới hạn xét xử, Hội đồng xét xử chỉ xét xử các bị cáo theo quyết định truy tố của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Điện Biên.

+ Đối với bà Nguyễn Thị L3 được một người đàn ông tên là C2 ở Hải Phòng nhờ đứng ra thành lập công ty TNHH thương mại và xây dựng H8, L có ký không vào một số chứng từ, séc của công ty TNHH thương mại và xây dựng H8 nhưng không biết việc mua bán trái phép hóa đơn của T và các đối tượng khác nên không xem xét xử lý đối với L là phù hợp. Về số tiền 5.000.000 đồng L được trả để đứng tên thành lập Công ty là tiền do vi phạm pháp luật mà có cần tịch thu sung ngân sách Nhà nước là có căn cứ.

+ Đối với 02 đối tượng tên C2 và V3 theo lời khai của Nguyễn Thị T và Nguyễn Thị L3 có liên quan đến việc “*Mua bán trái phép hóa đơn*” của Công ty thương mại và xây dựng H8. Do T và L không cung cấp được thông tin về nhân thân của hai đối tượng này, nên cơ quan điều tra không có cơ sở xác minh làm rõ.

+ Đối với các công ty, doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân đã mua hàng thật của Đặng Đình C và yêu cầu xuất trả hóa đơn GTGT để kê khai thuế: C đã sử dụng hóa đơn GTGT của 02 Doanh nghiệp T1 và Doanh nghiệp V1 mua không của V để trả hóa đơn GTGT theo đúng giá trị mua bán hàng hóa thực tế, những cá nhân tổ chức này đều không biết hóa đơn do C đưa cho là hóa đơn do mua bán trái phép, nên không đề cập xử lý là phù hợp.

+ Đối với các công ty, doanh nghiệp, cá nhân có mua hàng hóa của một số cá nhân, cơ sở kinh doanh không có hóa đơn GTGT đã mua hóa đơn không của Đặng Đình C để kê khai hàng hóa đầu vào hoặc xuất trả hóa đơn cho doanh nghiệp, đơn vị, cá nhân khác với số lượng hóa đơn dưới 10 tờ, cơ quan Cảnh sát điều tra đã ra thông báo đến cơ quan Thuế có liên quan để xử lý hành chính theo quy định của pháp luật.

+ Đối với số tiền 9.900.000 đồng do Phạm Thị H (Chi cục thuế huyện U, tỉnh Điện Biên) hưởng lợi từ việc mua bán hóa đơn đã tự nguyện giao nộp Cơ quan chức năng cần tịch thu sung ngân sách Nhà nước.

+ Đối với khoản tiền nợ thuế của Doanh nghiệp tư nhân vận tải T1 và Doanh nghiệp tư nhân vận tải V1: Hai doanh nghiệp này đều do bị cáo Phan Đắc V thành lập ra để thực hiện hành vi mua bán trái phép hóa đơn nên bị cáo phải chịu trách nhiệm về khoản nợ thuế Nhà nước. Tại phiên tòa bị cáo Phan Đắc V đồng ý sẽ thực hiện nghĩa vụ trả đối với các khoản nợ thuế Nhà nước này.

[2] Xét về tính chất của vụ án: Hành vi phạm tội của các bị cáo Trần Văn C, Đào Trọng T1, Phạm Hoàng A và Nguyễn Đức T trong vụ án này mang tính chất ít nghiêm trọng quy định tại điểm a khoản 1 Điều 9 Bộ luật Hình sự. Các bị cáo Phan Đắc V, Đặng Đình C, Nguyễn Thị T, Nguyễn Thị M và Nguyễn Thị Hải Y thực

hiện hành vi phạm tội mang tính chất nghiêm trọng quy định tại điểm b khoản 1 Điều 9 Bộ luật Hình sự. Trong vụ án này mang tính chất đồng phạm giản đơn trong đó bị cáo Phan Đắc V là người khởi xướng thành lập 02 doanh nghiệp không có hoạt động sản xuất, kinh doanh để bán hóa đơn trái phép nhằm thu lợi bất chính. Các bị cáo Đặng Đình C, Nguyễn Thị T là những người thực hành tích cực, các bị cáo Nguyễn Thị M và Nguyễn Thị Hải Y là những người giúp sức cho các bị cáo C và V.

Các bị cáo đều là những người có đầy đủ năng lực hành vi và nhận thức được hành vi của mình là vi phạm pháp luật, song vẫn cố ý thực hiện hành vi phạm tội. Hành vi mua bán trái phép hóa đơn của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến trật tự quản lý kinh tế của Nhà nước. Bởi vậy khi xem xét quyết định hình phạt, cần áp dụng mức hình phạt thỏa đáng đối với các bị cáo.

[3] Xét về nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với từng bị cáo:

** Về các tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự đối với các bị cáo:*

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Điện Biên cho rằng các bị cáo Phan Đắc V, Đặng Đình C, Nguyễn Thị T, Nguyễn Thị M và Nguyễn Thị Hải Y có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự “*Phạm tội 02 lần trở lên*” theo quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự. Hội đồng xét xử thấy rằng việc đã truy tố các bị cáo theo điểm d khoản 2 Điều 203 Bộ luật Hình sự đã là tình tiết định khung hình phạt nên việc áp dụng thêm tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự đối với các bị cáo theo đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Điện Biên là không đảm bảo căn cứ pháp luật nên không chấp nhận. Do đó các bị cáo Phan Đắc V, Đặng Đình C, Nguyễn Thị T, Nguyễn Thị M và Nguyễn Thị Hải Y không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại Điều 52 Bộ luật Hình sự.

- Đối với các bị cáo Trần Văn C, Nguyễn Đức T, Đào Trọng T1, Phạm Hoàng A không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại Điều 52 Bộ luật Hình sự.

** Về các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với các bị cáo:*

- Đối với bị cáo Phan Đắc V: Bị cáo được học đến lớp 7/10 thì nghỉ học, trưởng thành xây dựng gia đình và đã có 03 người con. Năm 2009 bị cáo mắc bệnh tâm thần phân liệt đã khám và điều trị, trước khi phạm tội được xác định là đang mắc bệnh tâm thần phân liệt giai đoạn ổn định. Sau khi phạm tội đã thành khẩn khai báo và tự nguyện nộp một khoản tiền để khắc phục hậu quả. Đó là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

- Đối với bị cáo Đặng Đình C: Bị cáo có trình độ văn hóa lớp 9/12, trưởng thành xây dựng gia đình và có 02 người con. Bị cáo chưa có tiền án, tiền sự, sau khi phạm tội đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình, tự nguyện nộp một khoản tiền để khắc phục hậu quả được quy định tại điểm b, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

- Đối với bị cáo Nguyễn Thị T: Bị cáo chưa có tiền án tiền sự, sau khi phạm tội đã thành khẩn khai báo về hành vi phạm tội của mình và tự nguyện nộp một khoản tiền để khắc phục hậu quả được quy định tại điểm b, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

- Đối với Nguyễn Thị M: Bị cáo thực hiện hành vi phạm tội với vai trò giúp sức thứ yếu, sau khi phạm tội đã tự nguyện nộp một khoản tiền để khắc phục hậu quả; thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; tích cực giúp đỡ cơ quan điều tra phát hiện xử lý tội phạm. Đây là các tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm b, s, t khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Do đó có thể áp dụng Điều 54 Bộ luật Hình sự để áp dụng mức hình phạt dưới khung liên kề đối với bị cáo.

- Đối với Nguyễn Thị Hải Y: Bị cáo đã thực hiện hành vi phạm tội với vai trò giúp sức, sau khi phạm tội bị cáo đã tự nguyện nộp một khoản tiền để khắc phục hậu quả, thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải là các tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm b, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Do đó có thể áp dụng Điều 54 Bộ luật Hình sự để quyết định hình phạt dưới khung liên kề đối với bị cáo.

- Đối với các bị cáo Trần Văn C, Nguyễn Đức T, Đào Trọng T1, Phạm Hoàng A đều chưa có tiền án, tiền sự, phạm tội lần đầu, thuộc trường hợp ít nghiêm trọng quy định tại điểm i khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Sau khi phạm tội các bị cáo Nguyễn Đức T, Đào Trọng T1 và Phạm Hoàng A đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Hai bị cáo Đào Trọng T1 và Phạm Hoàng A có nhiều thành tích trong học tập, lao động quy định tại điểm v khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự.

[4] Về vật chứng của vụ án: Cần áp dụng Điều 47 Bộ luật Hình sự và Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự để xử lý vật chứng:

- Những chiếc điện thoại di động tạm giữ của các bị cáo, máy tính xách tay là phương tiện phạm tội cần tịch thu sung ngân sách Nhà nước.

- Các khoản tiền do các bị cáo tự nguyện nộp và số tiền, tài sản tạm giữ cần tiếp tục tạm giữ để trừ vào tiền thi hành án.

- Khoản tiền của các bị cáo và những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan do thực hiện hành vi mua bán trái phép hóa đơn mà có cần truy thu để sung ngân sách Nhà nước, cụ thể:

+ Khoản tiền do bị cáo Đặng Đình C chuyển vào tài khoản của bị cáo Nguyễn Thị T theo chỉ đạo của bị cáo Phan Đắc V, do chưa có căn cứ bị cáo Nguyễn Thị T đã nộp vào Công ty H8 nên cần truy thu toàn bộ từ bị cáo Nguyễn Thị T.

+ Số tiền của bị cáo Nguyễn Thị Hải Y đã được bị cáo Phan Đắc V trả công.

+ Số tiền thu lợi bất chính của các bị cáo Đặng Đình C và Phan Đắc V.

+ Số tiền 9.900.000 đồng do Phạm Thị H (Chi cục thuế huyện U, tỉnh Điện Biên) hưởng lợi từ việc mua bán hóa đơn.

+ Số tiền 5.000.000 đồng bà Nguyễn Thị L3 được trả để đứng tên thành lập Công ty TNHH thương mại và dịch vụ H8.

- Toàn bộ hóa đơn đã tạm giữ cần tịch thu để lưu hồ sơ vụ án; các loại giấy tờ không còn giá trị và con dấu có liên quan đến 02 Doanh nghiệp T1, V1 cần tịch thu để tiêu hủy.

[5] Về hình phạt bổ sung bằng tiền: Cần áp dụng khoản 3 Điều 203 Bộ luật Hình sự để phạt bổ sung đối với các bị cáo Trần Văn C và Nguyễn Đức T.

[6] Về án phí: Căn cứ vào khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 thì các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm. Riêng bị cáo Nguyễn Thị T sinh ngày 01/7/1959 đến thời điểm xét xử đã đủ 60 tuổi nên căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 thì bị cáo Nguyễn Thị T thuộc trường hợp được miễn án phí hình sự sơ thẩm.

[7] Về quan điểm luận tội của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Điện Biên tại phiên tòa: Hội đồng xét xử thấy quan điểm của Kiểm sát viên đối với các bị cáo phạm tội quy định tại khoản 2 Điều 203 Bộ luật Hình sự đề nghị xử phạt tù và phạt bổ sung bằng tiền cơ bản là phù hợp với tính chất, mức độ của vụ án. Tuy nhiên các bị cáo thực hiện hành vi phạm tội xâm phạm đến trật tự quản lý kinh tế của Nhà nước theo quy định tại Chương XVIII của Bộ luật Hình sự. Do đó việc áp dụng hình phạt chính là phạt tiền đối với các bị cáo theo quy định tại Điều 35 Bộ luật Hình sự là có căn cứ. Các bị cáo phạm tội quy định tại khoản 1 Điều 203 Bộ luật Hình sự theo đề nghị của Kiểm sát viên là có căn cứ cần chấp nhận.

[8] Về quan điểm của những người bào chữa cho bị cáo Phan Đắc V đã được đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Điện Biên tham gia phiên tòa đối đáp là không có căn cứ chấp nhận. Do đó các quan điểm của những người bào chữa cho bị cáo Phan Đắc V Hội đồng xét xử thấy không có căn cứ chấp nhận.

[9] Về các quyết định tố tụng, hành vi tố tụng: Tại phiên tòa sơ thẩm các bị cáo không khiếu nại về các quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng và hành vi tố tụng của người tiến hành tố tụng như Điều tra viên, Kiểm sát viên, Thẩm phán, Thư ký tòa án. Do đó các quyết định tố tụng, hành vi tố tụng trong vụ án là đúng quy định của pháp luật, các chứng cứ thu thập được có trong hồ sơ vụ án là hợp pháp.

[10] Kiến nghị: Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và lời khai của các bị cáo tại phiên tòa thấy Lò Văn H2 và Nguyễn Thị Thủy H1 có dấu hiệu đồng phạm với Phan Đắc V về tội: “*Mua bán trái phép hóa đơn*”. Do vậy Hội đồng xét xử kiến nghị các cơ quan có thẩm quyền tiến hành tố tụng cần tiếp tục xem xét đến dấu hiệu phạm tội của hai đối tượng này.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tội danh: Căn cứ vào khoản 1, khoản 2 Điều 203 Bộ luật Hình sự, tuyên bố các bị cáo Phan Đắc V, Đặng Đình C, Nguyễn Thị T, Nguyễn Thị M, Nguyễn Thị Hải Y, Trần Văn C, Nguyễn Đức T, Đào Trọng T1, Phạm Hoàng A đều phạm tội: “*Mua bán trái phép hóa đơn*”.

2. Hình phạt:

- Áp dụng điểm d, đ, e khoản 2 Điều 203; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 35 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Phan Đắc V 300.000.000 đồng (*Ba trăm triệu đồng*) sung ngân sách Nhà nước.

- Áp dụng điểm d, đ, e khoản 2 Điều 203; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 35 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Đặng Đình C 300.000.000 đồng (*Ba trăm triệu đồng*) sung ngân sách Nhà nước.

- Áp dụng điểm d khoản 2 Điều 203; điểm b, s khoản 1 Điều 51; Điều 35 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Nguyễn Thị T 200.000.000 đồng (*Hai trăm triệu đồng*) sung ngân sách Nhà nước.

- Áp dụng điểm d, e khoản 2 Điều 203; điểm b, s khoản 1 Điều 51; Điều 54; Điều 35 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Nguyễn Thị Hải Y 120.000.000 đồng (*Một trăm hai mươi triệu đồng*) sung ngân sách Nhà nước.

- Áp dụng điểm d, e khoản 2 Điều 203; điểm b, t, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 54; Điều 35 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Nguyễn Thị M 100.000.000 đồng (*Một trăm triệu đồng*) sung ngân sách Nhà nước.

- Áp dụng khoản 1, khoản 3 Điều 203; điểm i khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 36 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Trần Văn C 09 tháng cải tạo không giam giữ, phạt bổ sung bằng tiền 10.000.000 đồng (*Mười triệu đồng*) sung ngân sách Nhà nước. Giao bị cáo C cho UBND thị trấn M, huyện M2, tỉnh Điện Biên theo dõi, giám sát và giáo dục. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với UBND thị trấn Mường Chà trong việc quản lý, giáo dục bị cáo.

- Áp dụng khoản 1, khoản 3 Điều 203; các điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 36 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Nguyễn Đức T 09 tháng cải tạo không giam giữ, phạt bổ sung bằng tiền 10.000.000 đồng (*Mười triệu đồng*) sung ngân sách Nhà nước. Giao bị cáo Nguyễn Đức T cho UBND xã T, huyện Đ, tỉnh Điện Biên theo dõi, giám sát và giáo dục. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với UBND xã T trong việc quản lý, giáo dục bị cáo.

- Áp dụng khoản 1 Điều 203; điểm i, s, v khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 36 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Đào Trọng T 60.000.000 đồng (*Sáu mươi triệu đồng*) sung ngân sách Nhà nước.

- Áp dụng khoản 1 Điều 203; điểm i, s, v khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 35 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Phạm Hoàng A 50.000.000 đồng (*Năm mươi triệu đồng*) sung ngân sách Nhà nước.

4. Vật chứng của vụ án: Áp dụng Điều 47 Bộ luật Hình sự và Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự.

** Tịch thu tiêu hủy:*

- 01 (một) SIM điện thoại có nhãn Viettel 4G có số SIM: 0966.531.868 có số ICCID: 8984048831004250778 gắn trong điện thoại di động iPhone 8 Plus màu đen.

- 01 (một) SIM điện thoại có nhãn Viettel 4G có số SIM: 0988.193.389 có số ICCID: 8984048831004250779 gắn trong điện thoại di động iPhone 7 màu vàng đồng.

- 01 (một) SIM điện thoại có nhãn Viettel có số SIM: 01692.228.589 có số ICCID: 8984048008823937579 và 01 (một) SIM điện thoại có nhãn Viettel có số SIM: 0964.629.121 có số ICCID: 8984048000008161236 gắn trong điện thoại di động Nokia màu đen.

- 01 (một) SIM điện thoại có nhãn Mobifone có số SIM: 0932223545 có số ICCID: 8401160212243711 và 01 (một) SIM điện thoại có nhãn Viettel 4G có số SIM: 0984042355 có số ICCID: 8984048008823937588 gắn trong điện thoại di động nhãn hiệu Samsung Galaxy J2 màu vàng đồng.

- 01 biển tên doanh nghiệp tư nhân vận tải T1.

- 01 dấu tên PKD (phòng kinh doanh) đội 2 xã T, huyện Đ, tỉnh Điện Biên.

- 01 dấu bán hàng qua điện thoại.

- 01 dấu tên DNTN vận tải H4. Mã số thuế: 5600277309. Xã T2, huyện Đ, tỉnh Điện Biên.

- 01 dấu STK: 36010000247449 Ngân hàng đầu tư chi nhánh Điện Biên; 01 dấu tròn Doanh nghiệp tư nhân H4 tỉnh Điện Biên; 01 dấu Giám đốc; 01 dấu tên Phan Đắc T5; 01 dấu chữ ký của Phan Đắc T5; 02 dấu Doanh nghiệp tư nhân vận tải T1; 02 dấu Doanh nghiệp tư nhân vận tải V1; 01 dấu giám đốc Nguyễn Thị Hải Y; 01 dấu giám đốc Lò Văn H2; 02 dấu chữ ký Nguyễn Thị Hải Y; 01 dấu chữ ký Lò Văn H2.

- 01 Giấy chứng nhận đăng ký mô tô, xe máy số 049922 do Phòng cảnh sát giao thông Công an tỉnh Điện Biên cấp ngày 24/4/2017 cho tên chủ xe Lò Văn H2; Địa chỉ: Đội N, xã T, huyện Đ. (Bản gốc).

** Tịch thu sung ngân sách Nhà nước:*

- Tiền ngân hàng Nhà nước Việt Nam 329.900.000 đồng (Đã được niêm phong trong 03 bao mã 276000000479A, 276000000480A, 276000000481A). Trong đó: Số tiền bị cáo Đặng Đình C nộp là 300.000.000 đồng; số tiền bị cáo Nguyễn Thị T nộp là 20.000.000 đồng; số tiền người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Phạm Thị H38 nộp là 9.900.000 đồng.

- 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu iPhone 8 Plus màu đen; số kiểu: A1897; số IMEI: 356772083257703.

- 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu iPhone 7 màu vàng đồng; số kiểu: A1660; số IMEI: 359163071521499.

- 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Nokia màu đen; số kiểu: Lumia 730 Dual SIM; số IMEI: 355151069367334.

- 01 (một) thẻ nhớ nhãn hiệu Transcend dung lượng 8GB có số Serial: 4264CMXV2100.

- 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Samsung Galaxy J2 màu vàng đồng; số kiểu SM-J200GU; số IMEI 01: 354741071218060; số IMEI 02: 354742071218068.

- 01 (một) điện thoại di động SamSung màu đen, đã qua sử dụng, số IMEI: 359831064020394, không kiểm tra chi tiết máy móc bên trong.

- 01 (một) máy tính xách tay nhãn hiệu Dell, Model: E6410, DPN: GYXJ3A00JSD2, tình trạng máy tính cũ, đã qua sử dụng.

- 01 (một) máy tính xách tay nhãn hiệu SONY VAIO, core i5 màu đen, Model: PCG-71913L, tình trạng máy tính cũ, đã qua sử dụng.

- 01 xe máy nhãn hiệu HONDA, số loại WAVE α , màu xanh đen bạc; Số khung: RLHHC 153FY401352; số máy: HC12E7401107; Biển số đăng ký: 27B1-562.78, xe cũ đã qua sử dụng.

** Trả lại cho Nguyễn Thị Hải Y:*

- 01 Cây máy tính (CPU) để bàn, nhãn hiệu vỏ màu đen, mặt trước có dòng chữ in màu trắng “DVD COMBO”, tình trạng cây máy tính để bàn cũ, đã qua sử dụng.

- 01 máy tính bảng nhãn hiệu OIMI màu vàng đồng đã qua sử dụng, mặt kính bị vỡ, cảm ứng không sử dụng được.

- 01 dấu tên giám đốc Trần Trọng H; 01 dấu chữ ký của Trần Trọng H.

- 03 thẻ ATM của ngân hàng BIDV, AGRIBANK, ABBANK mang tên Nguyễn Thị Hải Y.

(Toàn bộ tiền, vật chứng, tài sản trên theo Biên bản giao - nhận vật chứng ngày 24/4/2019 giữa Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Điện Biên và Cục thi hành án dân sự tỉnh Điện Biên).

** Tịch thu, nộp ngân sách Nhà nước:*

- 01 xe máy nhãn hiệu HONDA, số loại AIR BLADE, màu đen bạc, số khung: RLHJF630FZ163987, số máy: JF63E-1518105, biển kiểm soát: 27B1-567.65, tình trạng xe cũ đã qua sử dụng.

- Tổng số tiền 936.623.036 đồng (*Chín trăm ba mươi sáu triệu, sáu trăm hai mươi ba nghìn, không trăm ba mươi sáu đồng*) đối với bị cáo Phan Đắc V ngoài hình phạt chính. Khấu trừ cho bị cáo Phan Đắc V các khoản sau: 10.000.000 đồng (*Mười triệu đồng*) bị cáo đã nộp để khắc phục hậu quả tại Cục thi hành án dân sự tỉnh Điện Biên; số tiền 28.355.000 đồng (*Hai mươi tám triệu, ba trăm năm mươi lăm nghìn đồng*); Giá trị của 01 xe máy hiệu HONDA, số loại AIR BLADE, màu đen bạc, số khung: RLHJF630FZ163987, số máy: JF63E-1518105, biển kiểm soát: 27B1-567.65; Giá trị của 01 xe máy nhãn hiệu HONDA, số loại WAVE α , màu xanh đen bạc, số khung RLHHC 153FY401352, số máy HC12E7401107, biển số đăng ký: 27B1-562.78.

- Tổng số tiền 660.185.304 đồng (*Sáu trăm sáu mươi triệu, một trăm tám mươi năm nghìn, ba trăm lẻ bốn đồng*) đối với bị cáo Đặng Đình C ngoài hình phạt chính. Khấu trừ cho bị cáo Đặng Đình C 300.000.000 đồng (*Ba trăm triệu đồng*) bị cáo đã nộp ở Cục Thi hành án dân sự tỉnh Điện Biên. Số tiền còn lại bị cáo Đặng Đình C

phải nộp là 360.185.304 đồng (*Ba trăm sáu mươi triệu, một trăm tám mươi năm nghìn, ba trăm lẻ bốn đồng*).

- Tổng số tiền 752.589.459 đồng (*Bảy trăm năm mươi hai triệu, năm trăm tám mươi chín nghìn, bốn trăm năm mươi chín*) đối với bị cáo Nguyễn Thị T ngoài hình phạt chính. Khấu trừ cho bị cáo Nguyễn Thị T 20.000.000 đồng (*Hai mươi triệu đồng*) bị cáo đã nộp để khắc phục hậu quả ở Cục thi hành án dân sự tỉnh Điện Biên. Số tiền còn lại bị cáo Nguyễn Thị T phải nộp là 732.589.459 đồng (*Bảy trăm ba mươi hai triệu, năm trăm tám mươi chín nghìn, bốn trăm năm mươi chín đồng*).

- Tổng số tiền 28.355.000 đồng (*Hai mươi tám triệu, ba trăm năm mươi năm nghìn đồng*) đối với bị cáo Nguyễn Thị Hải Y ngoài hình phạt chính. Khấu trừ cho bị cáo Nguyễn Thị Hải Y 5.000.000 đồng (*Năm triệu đồng*) bị cáo đã nộp để khắc phục hậu quả ở Cục thi hành án dân sự tỉnh Điện Biên. Số tiền còn phải nộp là 23.355.000 đồng (*Hai mươi ba triệu, ba trăm năm mươi năm nghìn đồng*).

- Tổng số tiền 5.000.000 đồng (*Năm triệu đồng*) đối với người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Nguyễn Thị L3, sinh năm 1966; trú tại: Đội I, thôn K, xã J, huyện A, thành phố H2.

5. Các khoản thu nộp khác liên quan đến vụ án:

- Tạm giữ số tiền 10.000.000 đồng (*Mười triệu đồng*) bị cáo Nguyễn Thị M đã nộp với lý do khắc phục hậu quả tại Cục thi hành án dân sự tỉnh Điện Biên để khấu trừ vào số tiền thi hành hình phạt chính đối bị cáo Nguyễn Thị M.

- Về khoản nợ thuế của Doanh nghiệp tư nhân vận tải V1 và Doanh nghiệp tư nhân vận tải T1: Bị cáo Phan Đắc V có trách nhiệm nộp tổng số tiền 21.879.667 đồng (*Hai mươi một triệu, tám trăm bảy mươi chín nghìn, sáu trăm sáu mươi bảy đồng*) vào ngân sách nhà nước là số tiền nợ thuế của hai doanh nghiệp nêu trên tại Chi cục thuế thành phố Đ và Chi cục thuế huyện Đ.

6. Án phí: Căn cứ vào khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Các bị cáo Phan Đắc V, Đặng Đình C, Nguyễn Thị M, Nguyễn Thị Hải Y, Trần Văn C, Nguyễn Đức T, Phạm Hoàng A mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng (*Hai trăm nghìn đồng*) án phí hình sự sơ thẩm. Miễn án phí hình sự sơ thẩm cho bị cáo Nguyễn Thị T.

7. Quyền kháng cáo Bản án: Áp dụng các Điều 331, Điều 333 Bộ luật tố tụng hình sự. Các bị cáo có quyền kháng cáo Bản án, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo phần Bản án liên quan trực tiếp đến quyền lợi, nghĩa vụ của mình lên Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (15/8/2019).

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo phần Bản án liên quan trực tiếp đến quyền lợi, nghĩa vụ của họ lên Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được Bản án hoặc niêm yết Bản án tại UBND xã nơi người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan cư trú.

Nơi nhận:

- Vụ I Tòa án nhân dân tối cao;
- VKSND Cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND tỉnh Điện Biên;
- Công an tỉnh Điện Biên;
- Trại tạm giam CA tỉnh Điện Biên;
- Cục THADS tỉnh Điện Biên;
- Phòng HCTP-Sở Tư pháp;
- Bị cáo;
- Người bào chữa;
- Người có QLNVLQ;
- UBND thị trấn Mường Chà, huyện Mường Chà;
- UBND xã Thanh Xương, huyện Điện Biên;
- Lưu HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Sùng A Xà